

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
VIỆN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ**



BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

LẬP TRÌNH WEBSITE BÁN ĐIỆN THOẠI CHO CỬA HÀNG KIM LONG

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Mạnh Hào
Lớp : D18PM02
Khoá : 2018-2023
Ngành : Kỹ thuật phần mềm
Giảng viên hướng dẫn : Trần Văn Hữu

Bình Dương, tháng 05/2022

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT
VIỆN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ**



BÁO CÁO TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

LẬP TRÌNH WEBSITE BÁN ĐIỆN THOẠI CHO CỬA HÀNG KIM LONG

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Mạnh Hào

Lớp : D18PM02

Khoá : 2018-2023

Ngành : Kỹ thuật phần mềm

Giảng viên hướng dẫn : Trần Văn Hữu

Bình Dương, tháng 5/2022

LỜI CẢM ƠN

Qua thời gian tiến hành học tập và thực hiện đề tài **“Xây dựng website bán điện thoại cho cửa hàng Kim Long”** đến nay đã hoàn thành. Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong trường Đại học Thủ Dầu Một đã truyền đạt những kiến thức, kinh nghiệm quý báu cho em trong suốt quá trình học. Đặc biệt là các thầy các cô trong Viện Kỹ Thuật Công đã tận tình giảng dạy, chỉ bảo, trang bị cho em những kiến thức cần thiết nhất trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu đề tài, đã tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp em thực hiện đề tài lớn này.

Em cũng xin chân thành cảm ơn thầy Trần Văn Hữu đã tận tình giảng dạy và hướng dẫn em hoàn thành tốt đề tài này và một thành phần không thể thiếu được chính là sự nỗ lực của em trong quá trình thực hiện.

Trong quá trình thực hiện đề tài, em đã cố gắng rất nhiều nhưng vẫn không tránh khỏi những thiếu sót cũng như những hạn chế nhất định. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến, chỉ bảo tận tình và cảm thông của quý thầy cô và các bạn để đề tài của em hoàn thiện hơn và thiết thực hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện:

Nguyễn Mạnh Hào

NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN

Bình Dương, ngày.....tháng.....năm 2022

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Trần Văn Hữu

Bình Dương, ngày.....tháng.....năm 2022

Giảng viên phản biện

(Ký và ghi rõ họ và tên)

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay các công ty tin học hàng đầu thế giới không ngừng đầu tư, cải thiện và phát triển các giải pháp cũng như các sản phẩm nhằm cho phép tiến hành thương mại hóa trên Internet. Thông qua các sản phẩm và công nghệ này, chúng ta dễ dàng nhận ra tầm quan trọng và tính tất yếu của thương mại điện tử. Với những thao tác đơn giản trên máy có kết nối mạng Internet bạn sẽ có tận tay những gì mình cần mà không phải mất nhiều thời gian và không cần phải đi ra ngoài mà chỉ cần ngồi tại nhà là có thể mua được món hàng mà mình cần. Bạn chỉ cần vào các trang dịch vụ thương mại điện tử, làm theo một vài hướng dẫn và click vào những gì bạn cần. Và chỉ cần ngồi chờ là bạn có thể nhận hàng.

Để góp phần đẩy mạnh sự phổ biến của thương mại điện tử ở Việt Nam, em đã quyết định thực hiện đề tài **“Xây dựng Website bán điện thoại cho cửa hàng Kim Long”**. Tuy đã cố gắng tìm kiếm, phân tích, cài đặt nhưng sẽ không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự thông cảm và góp ý của quý Thầy cô.

Báo cáo đồ án tốt nghiệp của em gồm có những chương sau

Chương 1: Tổng quan

Chương 2: Cơ sở lý thuyết

Chương 3: Phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu và hệ thống

Chương 4: Xây dựng ứng dụng

Chương 5: Kết luận và hướng phát triển

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN	3
NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN.....	4
NHẬN XÉT CỦA GIÁO VIÊN PHẢN BIỆN.....	5
LỜI NÓI ĐẦU.....	6
DANH MỤC HÌNH ẢNH	10
DANH MỤC BẢNG	12
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN	14
1.1.1 Tên đề tài.....	14
1.1.2 Lý do chọn đề tài	14
1.1.3 Nội dung nghiên cứu và thực hiện của đề tài	15
1.1.4 Ý nghĩa thực tiễn của đề tài.....	15
CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT	17
2.1 Quy trình mua hàng.....	17
2.2 Công nghệ sử dụng.....	17
2.2.1 Laravel là gì ? Tổng quan về Laravel PHP Framework [2]	17
2.2.2 Ưu và nhược điểm của Laravel [3].....	17
2.2.3 Thư viện JQuery [4]	20
2.2.4 Thư viện AJAX [5].....	22
2.2.5 Thư viện Bootstrap [6]	23
CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ CÁC CHỨC NĂNG	25
3.1 Cơ sở dữ liệu	25
3.2 Các bảng dữ liệu	25
3.3 Danh sách Actor	34
3.4 Sơ đồ liên kết màn hình	34
3.5 Sơ đồ use case	35
3.5.1 Use case Admin	36
3.5.2 Use case Khách hàng.....	36
3.6.1 Đặt tả use case.....	37

3.7	Biểu đồ tuần tự	49
3.7.1	Biểu đồ tuần tự quản lý sản phẩm	49
3.7.2	Biểu đồ tuần tự quản lý danh mục	49
3.7.3	Biểu đồ tuần tự quản lý thương hiệu	50
3.7.4	Biểu đồ tuần tự mã giảm giá	50
3.7.5	Biểu đồ tuần tự slider	50
3.7.6	Biểu đồ tuần tự xem giỏ hàng	50
3.7.7	Biểu đồ tuần tự xóa giỏ hàng	51
3.7.8	Biểu đồ tuần tự đăng nhập	51
3.7.9	Biểu đồ tuần tự đăng ký	51
3.7.10	Biểu đồ tuần tự in hóa đơn	52
3.7.11	Biểu đồ tuần tự thống kê	52
3.8	Biểu đồ hoạt động	52
3.8.1	Biểu đồ hoạt động quản lý sản phẩm	52
3.8.2	Biểu đồ hoạt động quản lý danh mục	52
3.8.3	Biểu đồ hoạt động quản lý thương hiệu	53
3.8.4	Biểu đồ hoạt động quản lý slider	53
3.8.5	Biểu đồ hoạt động quản lý mã giảm giá	54
3.8.6	Biểu đồ hoạt động quản lý liên hệ	55
3.8.7	Biểu đồ hoạt động đăng nhập khách hàng, admin, nhân viên	55
3.8.8	Biểu đồ hoạt động đăng ký nhân viên, admin	55
CHƯƠNG 4.	XÂY DỰNG ỨNG DỤNG	57
4.1	Phân quyền chức năng người dung	57
4.2	Chức năng và hướng dẫn	58
4.2.1	Giao diện chính	58
4.2.2	Đăng nhập và đăng ký	59
4.2.3	Giao diện danh mục sản phẩm	59
4.2.4	Chi tiết sản phẩm	60
4.2.5	Sản phẩm liên quan	60
4.2.6	Giao diện giỏ hàng	61

4.2.8 Trang đăng nhập admin.....	61
4.2.9 Giao diện Admin	62
4.2.11 Liệt kê slider	62
4.2.12 Giao diện đơn hàng.....	63
4.2.13 Chi tiết đơn hàng.....	63
4.2.17 Quản lý mã giảm giá.....	64
4.2.19 Thêm danh mục cha	64
4.2.20 Thêm danh mục con	64
4.2.21 Liệt kê danh mục.....	65
4.2.23 Thêm thương hiệu.....	65
4.2.24 Liệt kê thương hiệu.....	66
4.2.25 Thêm sản phẩm.....	66
4.2.26 Liệt kê sản phẩm	67
4.2.27 Liên hệ.....	67
4.2.28 Đánh giá	68
4.2.29 Nhân viên	68
CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN	69

DANH MỤC HÌNH ẢNH

<i>Hình 3.1 Cơ sở dữ liệu</i>	<i>25</i>
<i>Hình 3.4 Sơ đồ liên kết mà hình.....</i>	<i>35</i>
<i>Hình 3.5 Use case tổng quát</i>	<i>35</i>
<i>Hình 3.5.1 Use case Admin</i>	<i>36</i>
<i>Hình 3.5.2 Use case quản lý Khách hàng</i>	<i>37</i>
<i>Hình 3.7.1 Biểu đồ tuần tự quản lý sản phẩm</i>	<i>49</i>
<i>Hình 3.7.2 Biểu đồ tuần tự quản lý danh mục.....</i>	<i>49</i>
<i>Hình 3.7.3 Biểu đồ tuần tự quản lý thương hiệu.....</i>	<i>50</i>
<i>Hình 3.7.4 Biểu đồ tuần tự mã giảm giá.....</i>	<i>50</i>
<i>Hình 3.7.5 Biểu đồ tuần tự slider</i>	<i>50</i>
<i>Hình 3.7.6 Biểu đồ tuần tự xem giỏ hàng.....</i>	<i>51</i>
<i>Hình 3.7.7 Biểu đồ tuần tự xóa giỏ hàng.....</i>	<i>51</i>
<i>Hình 3.7.8 Biểu đồ tuần tự đăng nhập.....</i>	<i>51</i>
<i>Hình 3.7.9 Biểu đồ tuần tự đăng ký</i>	<i>51</i>
<i>Hình 3.7.10 Biểu đồ tuần tự in hóa đơn.....</i>	<i>52</i>
<i>Hình 3.7.11 Biểu đồ tuần tự thống kê</i>	<i>52</i>
<i>Hình 3.8.1 Biểu đồ hoạt động quản lý sản phẩm</i>	<i>52</i>
<i>Hình 3.8.2 Biểu đồ hoạt động quản lý danh mục</i>	<i>53</i>
<i>Hình 3.8.3 Biểu đồ hoạt động quản lý thương hiệu</i>	<i>53</i>
<i>Hình 3.8.4 Biểu đồ hoạt động quản lý slider.....</i>	<i>54</i>
<i>Hình 3.8.5 Biểu đồ hoạt động quản lý mã giảm giá</i>	<i>54</i>
<i>Hình 3.8.6 Biểu đồ hoạt động quản lý liên hệ</i>	<i>55</i>
<i>Hình 3.8.7 Biểu đồ hoạt động đăng nhập</i>	<i>55</i>

<i>Hình 3.8.8 Biểu đồ hoạt động đăng ký.....</i>	<i>56</i>
<i>Hình 4.1 Giao diện trang chủ</i>	<i>58</i>
<i>Hình 4.2 Giao diện đăng nhập và đăng ký.....</i>	<i>59</i>
<i>Hình 4.3 Giao diện danh mục sản phẩm.....</i>	<i>59</i>
<i>Hình 4.4 Giao diện chi tiết sản phẩm.....</i>	<i>60</i>
<i>Hình 4.5 Giao diện sản phẩm liên quan</i>	<i>60</i>
<i>Hình 4.6 Giao diện giỏ hàng.....</i>	<i>61</i>
<i>Hình 4.8 Đăng nhập admin</i>	<i>61</i>
<i>Hình 4.9 Giao diện trang tổng quan.....</i>	<i>62</i>
<i>Hình 4.11 Giao diện liệt kê slider</i>	<i>62</i>
<i>Hình 4.12 Giao diện đơn hàng</i>	<i>63</i>
<i>Hình 4.13 Giao diện chi tiết đơn hàng</i>	<i>63</i>
<i>Hình 4.17 Giao diện liệt kê mã giảm giá.....</i>	<i>64</i>
<i>Hình 4.19 Giao diện thêm danh mục cha</i>	<i>64</i>
<i>Hình 4.20 Giao diện thêm danh mục con</i>	<i>64</i>
<i>Hình 4.21 Giao diện liệt kê danh mục.....</i>	<i>65</i>
<i>Hình 4.23 Giao diện thêm thương hiệu.....</i>	<i>65</i>
<i>Hình 4.24 Giao diện liệt thương hiệu.....</i>	<i>66</i>
<i>Hình 4.25 Giao diện thêm sản phẩm.....</i>	<i>66</i>
<i>Hình 4.26 Giao diện liệt kê sản phẩm</i>	<i>67</i>
<i>Hình 4.27 Giao diện liên hệ.....</i>	<i>67</i>
<i>Hình 4.28 Giao diện đánh giá.....</i>	<i>68</i>
<i>Hình 4.29 Giao diện liệt kê nhân viên.....</i>	<i>68</i>

DANH MỤC BẢNG

Bảng 3.2.1 “admin_roles” bảng này lưu quyền của từng nhân viên	25
Bảng 3.2.2 “Tbl_xaphuongthitran” bảng này lưu thông tin tên xã phường	25
Bảng 3.2.3 “Tbl_access” bảng này lưu thông tin địa chỉ ip của khách hàng đã truy cập vào website	26
Bảng 3.2.4 “tbl_admin” bảng này lưu trữ thông tin của admin (người quản trị website).....	26
Bảng 3.2.5 “tbl_brand” bảng này lưu thông tin của thương hiệu sản phẩm	26
Bảng 3.2.7 “Tbl_comment” bảng này lưu thông tin đánh giá của khách hàng.....	27
Bảng 3.2.9 “Tbl_coupon” bảng này lưu thông tin mã khuyến mãi.....	28
Bảng 3.2.10 “Tbl_customer” bảng này lưu thông tin của khách hàng	28
Bảng 3.2.11 “Tbl_feeship” bảng này lưu thông tin phí giao hàng.....	29
Bảng 3.2.12 “Tbl_order” bảng này lưu thông tin hóa đơn mà khách hàng mua.....	29
Bảng 3.2.13 “Tbl_order_details” bảng này lưu thông tin chi tiết của hóa đơn bao gồm tên, giá sản phẩm,.....	30
Bảng 3.2.14 “Tbl_picture” bảng này lưu hình ảnh chi tiết từng sản phẩm.....	30
Bảng 3.2.15 “Tbl_product” bảng này lưu thông tin chi tiết của từng sản phẩm.....	30
Bảng 3.2.16 “Tbl_quanhuyen” bảng này lưu thông tin tất cả quận huyện	31

Bảng 3.2.17 “Tbl_rate” bảng này lưu thông tin số sao đánh giá	31
Bảng 3.2.18 “Tbl_roles” bảng này lưu thông tin tên quyền	32
Bảng 3.2.19 “Tbl_shipping” bảng này lưu thông tin người đặt hàng.....	32
Bảng 3.2.20 “Tbl_slider” bảng này lưu thông tin của quảng cáo	32
Bảng 3.2.21 “Tbl_social” bảng này lưu thông tin khi khách hàng đăng nhập bằng gmail hoặc facebook.....	33
Bảng 3.2.22 “Tbl_statistical” bảng lưu thông tin hóa đơn để tính lợi nhuận.....	33
Bảng 3.2.24 “Tbl_xaphuongthitran” bảng này lưu thông tin tên xã phường	33
Bảng 3.3.1 Danh sách Actor	34

CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN

Chương 1 chương này nói về lý do chọn đề tài và, nội dung thực hiện đề tài, ý nghĩa của đề tài

1.1.1 Tên đề tài

Xây dựng Website bán điện thoại cho cửa hàng Kim Long

1.1.2 Lý do chọn đề tài

Ngày nay, công nghệ thông tin ngày càng phát triển thì nhu cầu cuộc sống cũng như việc ứng dụng Công nghệ thông tin vào công việc của con người được phát triển mạnh mẽ và ngày càng đa dạng hơn, đặc biệt vấn đề về quảng bá sản phẩm trên internet cũng dành được sự chú ý của các nhà sản xuất với mục đích thu về doanh thu lớn nhất. Nhiều công nghệ sử dụng mới được áp dụng hàng ngày, cũng như đưa phần mềm vào quản lý ngày càng trực quan và sinh động hơn với người sử dụng, nhằm phục vụ nhu cầu truyền thông của con người, hoạt động kinh doanh thiết bị di động hằng ngày phát triển mạnh mẽ trong xu hướng bán lẻ của các cửa hàng nhỏ vừa và lớn. Hiện nay, đa số các cửa hàng bán thiết bị di động nhỏ và vừa đều chưa có website của riêng mình chỉ bán hàng thông qua hình thức trực tuyến.

Nhằm giúp các cửa hàng bán thiết bị điện thoại nhỏ và vừa giới thiệu, quảng bá sản phẩm rộng rãi tới người tiêu dùng, hỗ trợ việc mua bán qua mạng một cách nhanh chóng, hiệu quả, tiết kiệm chi phí, thời gian. Giúp khách hàng có thể lựa chọn cho mình một chiếc điện thoại hay chiếc máy tính ưng ý đáp ứng theo nhu cầu của mình mà không cần phải đến tận nơi để xem và mua hàng, khách hàng có thể xem và mua hàng trực tuyến trên website.

Từ những lý do trên em đã quyết định thực hiện đề tài **“Xây dựng website bán điện thoại cho cửa hàng Kim Long”**. Website cung cấp thông tin một cách nhanh chóng đầy đủ, chỉ một vài thao tác click chuột khách hàng đã có thể tìm được sản phẩm phù hợp với mình, từ giá cả đến kiểu dáng, tính năng phù hợp với mọi tầng lớp sử dụng. Thỏa mãn nhu cầu của người dùng và nhanh chóng là thành công mà website mang đến

1.1.3 Nội dung nghiên cứu và thực hiện của đề tài

Khảo sát

- ✓ Khảo sát các trang web bán hàng trực tuyến như thegioididong.com, cellphones.com.vn,... từ đó áp dụng để xây dựng website bán điện thoại cho cửa hàng Kim Long

Phân tích chức năng

- ✓ Từ quá trình khảo sát, phân tích và đưa ra bảng các chức năng chính của hệ thống và phân tích chi tiết từng chức năng

Phân tích thiết kế

- ✓ Vẽ và phân tích biểu đồ User Case
- ✓ Biểu đồ tuần tự
- ✓ Biểu đồ hoạt động

Phân tích thiết kế CSDL

Phân tích thiết kế chương trình

1.1.4 Ý nghĩa thực tiễn của đề tài

Website giúp cho các chủ cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm của mình tới người tiêu dùng một cách nhanh nhất thông qua website bán điện thoại di động. Và thông qua website này người dùng có thể tiếp cận mặt hàng chỉ với

những thao tác đơn giản trên máy có kết nối mạng Internet bạn sẽ có tận tay những gì mình cần mà không phải mất nhiều thời gian.

CHƯƠNG 2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

Chương 2 trình bày cơ sở lý thuyết liên quan đến các nội dung như quy trình mua hàng, yêu cầu nghiệp vụ

2.1 Quy trình mua hàng

Có hai cách thức bán hàng như sau:

- ✓ Bán hàng trực tiếp: người mua tới cửa hàng => Nhân viên tư vấn sản phẩm hoặc người mua tự tìm kiếm sản phẩm theo tiêu chí riêng của mình => Người mua ra quầy thu ngân làm thủ tục tính tiền sản phẩm => Kết thúc việc mua bán
- ✓ Bán hàng trực tuyến: người mua truy cập website hoặc ứng dụng mua hàng => tìm kiếm sản phẩm => để lại thông tin nhận sản phẩm => chọn hình thức thanh toán và nhận hàng => người mua chờ trong khoảng thời gian có thể là vài chục phút đến vài ngày (tùy theo địa điểm nhận hàng và phương thức giao hàng)

2.2 Công nghệ sử dụng

2.2.1 Laravel là gì ? Tổng quan về Laravel PHP Framework [2]

Laravel là một PHP framework, miễn phí, mã nguồn mở, được tạo bởi Taylor Otwell và dành riêng cho việc phát triển các ứng dụng web theo mô hình kiến trúc MVC và dựa trên Symfony PHP Framework. Một số tính năng của Laravel như là sử dụng hệ thống đóng gói module, quản lý package (Composer), hỗ trợ nhiều hệ quản trị CSDL quan hệ (MySQL, MariaDB, SQLite, PostgreSQL,...), các tiện ích hỗ trợ triển khai và bảo trì ứng dụng.

2.2.2 Ưu và nhược điểm của Laravel [3]

Ưu điểm của laravel

- ✓ **Sử dụng tính năng mới nhất của PHP:** một trong những tính năng làm cho PHP Laravel framework trở nên nổi bật hơn tất cả đó là sử dụng tất

cả các tính năng mới của PHP. Các framework khác không tận dụng được điều này. Sử dụng Laravel 5.x bạn sẽ sở hữu một số tính năng mới nhất mà PHP cung cấp, đặc biệt là trong Namespaces, Interfaces, Overloading, Anonymous function hay Shorter array syntax. Đã có rất nhiều bộ CMS nổi bật được viết trên nền Laravel framework ra đời, từ những bộ CMS đơn giản nhất đến những bộ “siêu mạnh”, từ mã nguồn mở đến thương mại

✓ **Tài liệu tuyệt vời:** tài liệu của Laravel rất thân thiện với nhà phát triển. Tất cả các phiên bản của Laravel được phát hành cùng với các tài liệu phù hợp, bạn sẽ tìm thấy những giải thích chi tiết về coding style, methods và class

✓ **Tích hợp dịch vụ mail:** các ứng dụng web bắt buộc phải thông báo cho người dùng về các deal và offer mới. Đăng ký người dùng cũng rất quan trọng (nghĩa là thông báo cho người dùng mới khi anh ấy/ cô ấy đăng ký). Framework được trang bị API sạch trên thư viện SwiftMailer. Và có các driver cho SMTP, Mailgun, SparkPost, Mandrill, PHP’s “mail” function, Amazon SES và “sendmail” giúp bạn gửi thư qua các dịch vụ trên đám mây hoặc dịch vụ local

✓ **Hỗ trợ cache backend phổ biến:** Laravel framework hỗ trợ các cache backend như Memcached và Redis out-of-the-box. Bạn cũng có thể tùy chỉnh nhiều cấu hình cache.

✓ **Công cụ tích hợp cho dòng lệnh – Artisan:** các nhà phát triển thường thấy tẻ nhạt khi thực hiện các nhiệm vụ lập trình lặp đi lặp lại vì chúng rất tốn thời gian. Công cụ dòng lệnh có tên Artisan giúp họ tạo khung code và quản lý hệ thống cơ sở dữ liệu hiệu quả. Artisan giúp tạo các tệp MVC cơ bản và quản lý tài sản, bao gồm cả các cấu hình tương ứng của chúng.

✓ **Gói nguồn lực sẵn có:** bạn sẽ được hưởng lợi ích từ npm package và bower package bằng cách kết hợp framework với Gulp và elixir, giúp trong

việc sửa đổi tài nguyên. Việc tích hợp này sẽ giải quyết các phụ thuộc và là nguồn gói đáng tin cậy nhất trong thế giới PHP.

✓ **Giảm chu kỳ phát triển sản phẩm:** bạn có thể giảm đáng kể chu kỳ phát triển sản phẩm vì framework giúp tích hợp nhanh hơn, bên cạnh đó là cộng đồng hỗ trợ rất lớn - Laracasts.

✓ **Container IoC:** còn được gọi là Inversion of Control, đây là một phương thức để tạo các đối tượng mới mà không phải khởi động bất kỳ thư viện bên ngoài nào. Nói cách khác, bạn có thể truy cập các đối tượng này từ bất cứ nơi nào bạn đang mã hóa, bạn sẽ không còn gặp khó khăn với các cấu trúc nguyên khối không linh hoạt.

✓ **Reverse Routing:** đây là một tính năng rất hữu ích trong framework, bạn có thể tạo liên kết đến các route được đặt tên. Vì vậy, khi tạo các liên kết, bạn chỉ cần sử dụng tên của bộ định tuyến, framework sẽ tự động chèn URL chính xác. Nếu bạn cần thay đổi các route trong tương lai, những thay đổi sẽ tự động được thực hiện ở mọi nơi.

✓ **Eloquent ORM:** đây là một trong những tính năng tốt nhất của Laravel, cung cấp một triển khai ActiveRecord đơn giản và hiệu quả, làm việc với cơ sở dữ liệu. Các mô hình bạn tạo trong MVC sẽ có một bảng tương ứng trong cơ sở dữ liệu. ORM có các mối quan hệ, nếu bạn thao tác một bảng trong cơ sở dữ liệu, bạn cũng sẽ quản lý các dữ liệu liên quan. Các mối quan hệ đó là: one-to-one, one-to-many, many-to-many, has-many-through, polymorphic, và many-to-many polymorphic.

Nhược điểm của Laravel

✓ **Không hỗ trợ tính năng thanh toán:** sẽ không đáng lo ngại nếu bạn không tự mình quản lý các khoản thanh toán, bởi vì bạn sẽ phải tuân thủ các quy tắc tuân thủ PCI. Trì hoãn các dịch vụ như Stripe và Paypal sẽ giải quyết vấn đề đó. Bạn cũng có thể thử bất kỳ trang web thương mại trực tuyến nào và xây dựng ứng dụng của mình trong kho template có sẵn, hoặc

sử dụng các thư viện của Framework cho phép bạn tích hợp các phương thức thanh toán. Tuy nhiên, hầu hết các nhà giao dịch điện tử nên được nhúng bộ xử lý thanh toán của bên thứ ba nhằm thuận tiện hơn.

✓ **Thiếu sự liên tục giữa các phiên bản:** không có chuyển đổi liên mạch từ Laravel 4 sang 5. Nếu cố cập nhật code, bạn có thể sẽ phá vỡ ứng dụng.

✓ **Chất lượng:** Một số thành phần trong framework không được thiết kế tốt. Ví dụ, dependency injection đôi khi trở nên phức tạp không cần thiết. Các tài liệu khá nặng. Bạn phải học hỏi nhiều trước khi bắt đầu xây dựng các ứng dụng.

✓ **Một số nâng cấp có thể có vấn đề:** đây không chỉ là vấn đề của Laravel mà là của các PHP framework. Vì vậy, các nhà phát triển nên có biện pháp phòng ngừa trước khi nâng cấp mobile application/website.

✓ **Thường không cung cấp sự phong phú cho ứng dụng di động:** việc tải lại toàn trang có thể hơi nặng trong các mobile app khi so sánh với các website. Trong những trường hợp như vậy, các nhà phát triển web có xu hướng chỉ sử dụng framework như backend JSON API.

2.2.3 Thư viện JQuery [4]

JQuery là thư viện được viết từ JavaScript, JQuery giúp xây dựng các chức năng bằng Javascript dễ dàng, nhanh và giàu tính năng hơn.

JQuery được tích hợp nhiều module khác nhau. Từ module hiệu ứng cho đến module truy vấn selector. JQuery được sử dụng đến 99% trên tổng số website trên thế giới. Các module phổ biến của jQuery bao gồm:

- ✓ **Ajax** – xử lý Ajax
- ✓ **Attributes** – Xử lý các thuộc tính của đối tượng HTML
- ✓ **Effect** – xử lý hiệu ứng
- ✓ **Event** – xử lý sự kiện

- ✓ **Form** – xử lý sự kiện liên quan tới form
- ✓ **DOM** – xử lý Data Object Model
- ✓ **Selector** – xử lý luồng lách giữa các đối tượng HTML

Các tính năng quan trọng của JQuery là gì? **Gọn nhẹ: JQuery** là một thư viện khá gọn nhẹ – có kích cỡ khoảng 19KB.

- ✓ **Tương thích đa nền tảng:** Nó tự động sửa lỗi và chạy được trên mọi trình duyệt phổ biến như Chrome, Firefox, Safari, MS Edge, IE, Android và iOS.
- ✓ **Dễ dàng tạo Ajax:** Nhờ thư viện JQuery, code được viết bởi Ajax có thể dễ dàng tương tác với *server* và cập nhật nội dung tự động mà không cần phải tải lại trang.
- ✓ **Xử lý nhanh nhạy thao tác DOM:** JQuery giúp lựa chọn các phần tử DOM để traverse (duyet) một cách dễ dàng, và chỉnh sửa nội dung của chúng bằng cách sử dụng Selector mã nguồn mở, mà còn được gọi là Sizzle.
- ✓ **Đơn giản hóa việc tạo hiệu ứng:** Giống với code snippet có hiệu ứng animation, nó phủ các dòng code và bạn chỉ việc thêm biến/nội dung vào thôi.
- ✓ **Hỗ trợ tốt phương thức sự kiện HTML:** Xử lý sự kiện – JQuery xử lý các sự kiện đa dạng mà không làm cho HTML code trở nên lộn xộn với các Event Handler.

Ưu điểm của JQuery thì vừa quan trọng vừa đáng giá:

- ✓ **JQuery** xử lý code rất nhanh và có khả năng mở rộng.
- ✓ **JQuery** tạo điều kiện cho người dùng viết các mã chức năng bằng các dòng tối thiểu.
- ✓ **JQuery** cải thiện hiệu suất lập trình web.

- ✓ **JQuery** phát triển các ứng dụng có tương thích với trình duyệt.
- ✓ Hầu hết các tính năng mới của trình duyệt mới đều được JQuery sử dụng.

2.2.4 Thư viện AJAX [5]

AJAX là chữ viết tắt của Asynchronous JavaScript and XML, *AJAX = Asynchronous JavaScript and XML*. Đây là một công nghệ giúp chúng ta tạo ra những Web động mà hoàn toàn không reload lại trang nên rất mượt và đẹp. Vậy Asynchronous, JavaScript, XML trong từ AJAX là gì:

- ✓ **Asynchronous**, hay nói ngắn hơn là *Async – bất đồng bộ*. Bất đồng bộ có nghĩa là một chương trình có thể xử lý không theo tuần tự các hàm. Sẽ không có quy trình, có thể nhảy đi bỏ qua bước nào đó. Ích lợi dễ thấy nhất của bất đồng bộ là chương trình có thể xử lý nhiều công việc một lúc.
- ✓ **JavaScript** là một ngôn ngữ lập trình nổi tiếng. Trong số rất nhiều chức năng của nó là khả năng quản lý nội dung động của website và hỗ trợ tương tác với người dùng.
- ✓ **XML** là một dạng của ngôn ngữ markup như HTML, chữ đầy đủ của nó là *Xtensible Markup Language*. Nếu HTML được dùng để hiển thị dữ liệu, XML được thiết kế để chứa dữ liệu.

Có 4 lợi ích chính của việc sử dụng Ajax, cụ thể là:

- **Callbacks:** Ajax được sử dụng để thực hiện một cuộc gọi lại. AJAX thực hiện việc truy xuất và / hoặc lưu dữ liệu mà không gửi toàn bộ trang trở lại máy chủ. Bằng cách gửi lại một phần trang web đến máy chủ, việc sử dụng mạng được giảm thiểu và các hoạt động diễn ra nhanh hơn. Trong các trang web bằng thông hạn chế,

điều này có thể cải thiện đáng kể hiệu suất mạng. Dữ liệu được gửi đến và đi từ máy chủ một cách tối thiểu.

- **Thực hiện các cuộc gọi không đồng bộ:** Ajax cho phép bạn thực hiện các cuộc gọi không đồng bộ đến một máy chủ web. Điều này cho phép trình duyệt của người dùng tránh phải chờ tất cả dữ liệu đến trước khi cho phép người dùng hành động một lần nữa.
- **Thân thiện với người dùng:** Vì không phải post lại trang lên server, các ứng dụng hỗ trợ Ajax sẽ luôn nhanh hơn và thân thiện với người dùng hơn.
- **Tăng tốc độ:** Mục đích chính của Ajax là **cải thiện tốc độ, hiệu suất và khả năng sử dụng của một ứng dụng web**. Một ví dụ tuyệt vời của Ajax là tính năng xếp hạng phim trên Netflix. Người dùng đánh giá một bộ phim và xếp hạng cá nhân của họ cho bộ phim đó sẽ được lưu vào cơ sở dữ liệu của họ mà không cần chờ trang làm mới hoặc tải lại.

2.2.5 Thư viện Bootstrap [6]

Bootstrap là một framework bao gồm các HTML, CSS và JavaScript template dùng để phát triển website chuẩn responsive.

Bootstrap cho phép quá trình thiết kế website diễn ra nhanh chóng và dễ dàng hơn dựa trên những thành tố cơ bản sẵn có như typography, forms, buttons, tables, grids, navigation, image carousels...

Bootstrap là một bộ sưu tập miễn phí của các mã nguồn mở và công cụ dùng để tạo ra một mẫu website hoàn chỉnh. Với các thuộc tính về giao diện được quy định sẵn như kích thước, màu sắc, độ cao, độ rộng..., các designer có thể sáng tạo nhiều sản phẩm mới mẻ nhưng vẫn tiết kiệm

thời gian khi làm việc với framework này trong quá trình thiết kế giao diện website.

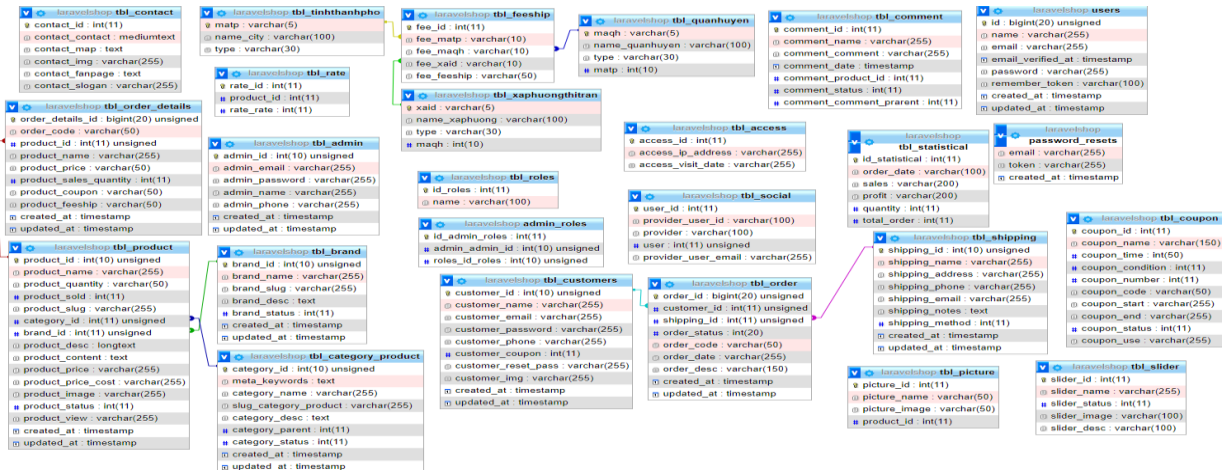
Bootstrap có khả năng cạnh tranh cao là nhờ những đặc điểm nổi bật sau:

- ✓ *Dễ dàng thao tác*
- ✓ *Tùy chỉnh dễ dàng*
- ✓ *Chất lượng sản phẩm đầu ra hoàn hảo*
- ✓ *Độ tương thích cao*

CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ CÁC CHỨC NĂNG

Chương này trình bày nội dung và việc phân tích, thiết kế các chức năng được sử dụng trong website để phân tích ra các mô hình dữ liệu

3.1 Cơ sở dữ liệu



Hình 3.1 Cơ sở dữ liệu

3.2 Các bảng dữ liệu

Bảng 3.2.1 “admin_roles” bảng này lưu quyền của từng nhân viên

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Id_admin_roles	Int	Số thứ tự (khóa chính)
Admin_admin_id	Int	Mã admin ở tbl_admin
Roles_roles_id	Int	Quyền admin

Bảng 3.2.2 “password_resets” bảng này lưu địa chỉ email người dùng cần đổi mật khẩu

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
email	Varchar(255)	Email người dùng cần lấy lại mật khẩu (khóa chính)

token	Varchar(255)	Mã thông báo
-------	--------------	--------------

Bảng 3.2.3 “Tbl_access” bảng này lưu thông tin địa chỉ ip của khách hàng đã truy cập vào website

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Access_id	Varchar(5)	Số lượt truy cập (khóa chính)
Access_ip_address	Varchar(100)	Địa chỉ ip
Access_visit_date	Varchar(30)	Ngày truy cập cửa hàng

Bảng 3.2.4 “tbl_admin” bảng này lưu trữ thông tin của admin (người quản trị website)

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Admin_id	int	Mã admin (Khóa chính)
Admin_email	Varchar(255)	Email admin
Admin_password	Varchar(255)	Mật khẩu admin
Admin_name	Varchar(255)	Tên admin
Admin_phone	Varchar(255)	Số điện thoại admin

Bảng 3.2.5 “tbl_brand” bảng này lưu thông tin của thương hiệu sản phẩm

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Brand_id	int	Mã thương hiệu (khóa chính)
Brand_name	Varchar(255)	Tên thương hiệu
Brand_slug	Varchar(255)	Tên thương hiệu
Brand_desc	Text	Mô tả thương hiệu
Brand_status	int	Trạng thái thương hiệu

Bảng 3.2.6 “Tbl_category_product” bảng này lưu thông tin danh mục sản phẩm

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Category_id	Int	Mã danh mục (Khóa chính)
Meta_keyword	Text	Từ khóa danh mục
Category_name	Varchar(255)	Tên danh mục
Slug_category_product	Text	Tên danh mục
Category_desc	int	Mô tả danh mục
Category_parent	Int	Danh mục cha
Category_status	int	Trạng thái danh mục

Bảng 3.2.7 “Tbl_comment” bảng này lưu thông tin đánh giá của khách hàng

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
comment_id	Int	Mã đánh giá (Khóa chính)
comment_name	Varchar(255)	Tên người đánh giá
comment_comment	Varchar(255)	Đánh giá
comment_date	timestamp	Ngày đánh giá
comment_product_id	int	Sản phẩm đánh giá
comment_status	Int	Trạng thái
comment_comment_parent	int	Phản hồi

Bảng 3.2.8 “Tbl_contact” bảng này lưu thông tin liên hệ của cửa hàng

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Contact_id	Int	Thứ tự liên hệ (Khóa chính)
Contact_contact	Mediumtext	Địa chỉ
Contact_map	Text	Bản đồ
Contact_img	Varchar(255)	Logo shop

Contact_fanpage	Text	Fanpage
Contact_slogan	Varchar(255)	Khẩu hiệu

Bảng 3.2.9 “Tbl_coupon” bảng này lưu thông tin mã khuyến mãi

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Coupon_id	Int	Khóa mã khuyến mãi (Khóa chính)
Coupon_name	Varchar(150)	Tên mã khuyến mãi
Coupon_time	Int	Số mã khuyến mãi
Coupon_codition	Int	Trạng thái mã khuyến mãi
Coupon_number	Int	Mô tả mã khuyến mãi
Coupon_code	Varchar(255)	Mã khuyến mãi
Coupon_start	Varchar(255)	Ngày bắt đầu khuyến mãi
Coupon_end	Varchar(255)	Ngày kết thúc khuyến mãi
Coupon_status	Int	Trạng thái mã khuyến mãi

Bảng 3.2.10 “Tbl_customer” bảng này lưu thông tin của khách hàng

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Customer_id	Int	Mã khách hàng (Khóa chính)
Customer_name	Varchar(255)	Tên khách hàng
Customer_email	Varchar(255)	Email đăng nhập khách

		hàng
Customer_password	Varchar(255)	Mật khẩu đăng nhập khách hàng
Customer_phone	Varchar(255)	Số điện thoại khách hàng
Customer_coupon	int	Phân loại khách hàng
Customer_reset_pass	Varchar(255)	Thay đổi mật khẩu
Customer_img	Varchar(255)	Hình ảnh khách hàng

Bảng 3.2.11 “Tbl_feeship” bảng này lưu thông tin phí giao hàng

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Fee_id	Int	Mã phí ship (khóa chính)
Fee_matp	Int	Mã thành phố
Fee_maqh	Int	Mã quận huyện
Fee_xaid	Int	Mã xã phường
Fee_feeship	Varchar(50)	Phí giao hàng

Bảng 3.2.12 “Tbl_order” bảng này lưu thông tin hóa đơn mà khách hàng mua

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Order_id	bigint	(khóa chính)
Customer_id	Int	Mã id khách hàng
Shipping_id	Int	Mã id giỏ hàng
Order_status	Int	Tình trạng đơn hàng
Order_code	Varchar(50)	Mã đơn hàng
Order_date	Varchar(255)	Ngày đặt hàng (không

		lấy giờ)
Cretead_at	timestamp	Ngày tháng đặt hàng (lấy cả ngày giờ đặt)
Order_desc	Varchar(255)	Mô tả hóa đơn

Bảng 3.2.13 “Tbl_order_details” bảng này lưu thông tin chi tiết của hóa đơn bao gồm tên, giá sản phẩm,...

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Order_details_id	Bigint(20)	Số thứ tự giỏ hàng(khóa chính)
Order_code	Varchar(50)	Mã đặt hàng
Product_id	Int(11)	Mã id sản phẩm
Product_name	Varchar(255)	Tên sản phẩm
Product_price	Varchar(50)	Giá sản phẩm
Product_sales_quantity	Int(11)	Số lượng sản phẩm
Product_coupon	Varchar(50)	Mã giảm giá
Product_feeship	Varchar(50)	Phí vận chuyển

Bảng 3.2.14 “Tbl_picture” bảng này lưu hình ảnh chi tiết từng sản phẩm

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Picture_id	Int	Mã hình ảnh(khóa chính)
Picture_name	Varchar(50)	Tên hình ảnh
Picture_image	Varchar(50)	Hình ảnh
Picture_id	Int	Mã sản phẩm

Bảng 3.2.15 “Tbl_product” bảng này lưu thông tin chi tiết của từng sản phẩm

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Product_id	Int	Số thứ tự sản phẩm (Khóa chính)
Product_name	Varchar(255)	Tên sản phẩm
Product_quantity	Varchar(255)	Số lượng sản phẩm
Product_sold	int	Sản phẩm đã bán
Product_slug	Varchar(255)	Tên danh mục
Category_id	Int	Thương hiệu sản phẩm
Brand_id	Int	Danh mục sản phẩm
Product_desc	Text	Mô tả sản phẩm
Product_content	Text	Nội dung sản phẩm
Product_price	Varchar(255)	Giá bán sản phẩm
Product_price_cost	Varchar(255)	Giá nhập sản phẩm
Product_img	Varchar(255)	Hình ảnh sản phẩm
Product_status	int	Trạng thái của sản phẩm
Product_view	Varchar(255)	Số lần xem sản phẩm

Bảng 3.2.16 “Tbl_quanhuyen” bảng này lưu thông tin tất cả quận huyện

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Maqh	Varchar(5)	Mã quận huyện (khóa chính)
Name_quanhuyen	Varchar(100)	Tên quận huyện
Type	Varchar(30)	Loại
matp	int	Mã thành phố

Bảng 3.2.17 “Tbl_rate” bảng này lưu thông tin số sao đánh giá

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Rate_id	Int	Sao (khóa chính)
Product_id	Int	Mã sản phẩm
Rate_rate	Int	Số sao

Bảng 3.2.18 “Tbl_roles” bảng này lưu thông tin tên quyền

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Id_roles	Int	Mã quyền (khóa chính)
Name	Varchar(100)	Tên quyền

Bảng 3.2.19 “Tbl_shipping” bảng này lưu thông tin người đặt hàng

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Shipping_id	Int	Mã (khóa chính)
Shipping_name	Varchar(255)	Tên
Shipping_address	Varchar(255)	Địa chỉ
Shipping_phone	Varchar(255)	Số điện thoại
Shipping_email	Varchar(255)	Địa chỉ email
Shipping_notes	Text	Ghi chú
Shipping_method	Int	Phương thức thanh toán

Bảng 3.2.20 “Tbl_slider” bảng này lưu thông tin của quảng cáo

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Slider_id	Int	Mã quảng cáo (khóa chính)
Slider_name	Varchar(255)	Tên quảng cáo
Slider_status	int	Trạng thái quảng cáo
Slider_img	Varchar(100)	Hình ảnh quảng cáo

Slider_desc	Varchar(100)	Mô tả quảng cáo
-------------	--------------	-----------------

Bảng 3.2.21 “Tbl_social” bảng này lưu thông tin khi khách hàng đăng nhập bằng gmail hoặc facebook

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
User_id	int	Thứ tự tài khoản đăng nhập (Khóa chính)
Provider_user_id	Varchar(100)	Mã người dùng
provider	Varchar(100)	Phương thức đăng nhập
user	Int	Người dùng
Provider_user_email	Varchar(100)	Email đăng nhập

Bảng 3.2.22 “Tbl_statistical” bảng lưu thông tin hóa đơn để tính lợi nhuận

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
Id_statistical	int	Thứ tự (khóa chính)
Order_date	Varchar(100)	Ngày đặt hàng
Sales	Varchar(200)	Tiền bán hàng
Profit	Varchar(200)	Lợi nhuận
Quantity	Int	Số lượng sản phẩm
Total_order	Int	Tổng số hóa đơn

Bảng 3. 2.23 “Tbl_tinhthanhpho” bảng này lưu thông tin tên thành phố

Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
matp	Varchar(5)	Mã thành phố (khóa chính)
Name_city	Varchar(100)	Tên thành phố
type	Varchar(30)	Loại

Bảng 3.2.24 “Tbl_xaphuongthitran” bảng này lưu thông tin tên xã phường

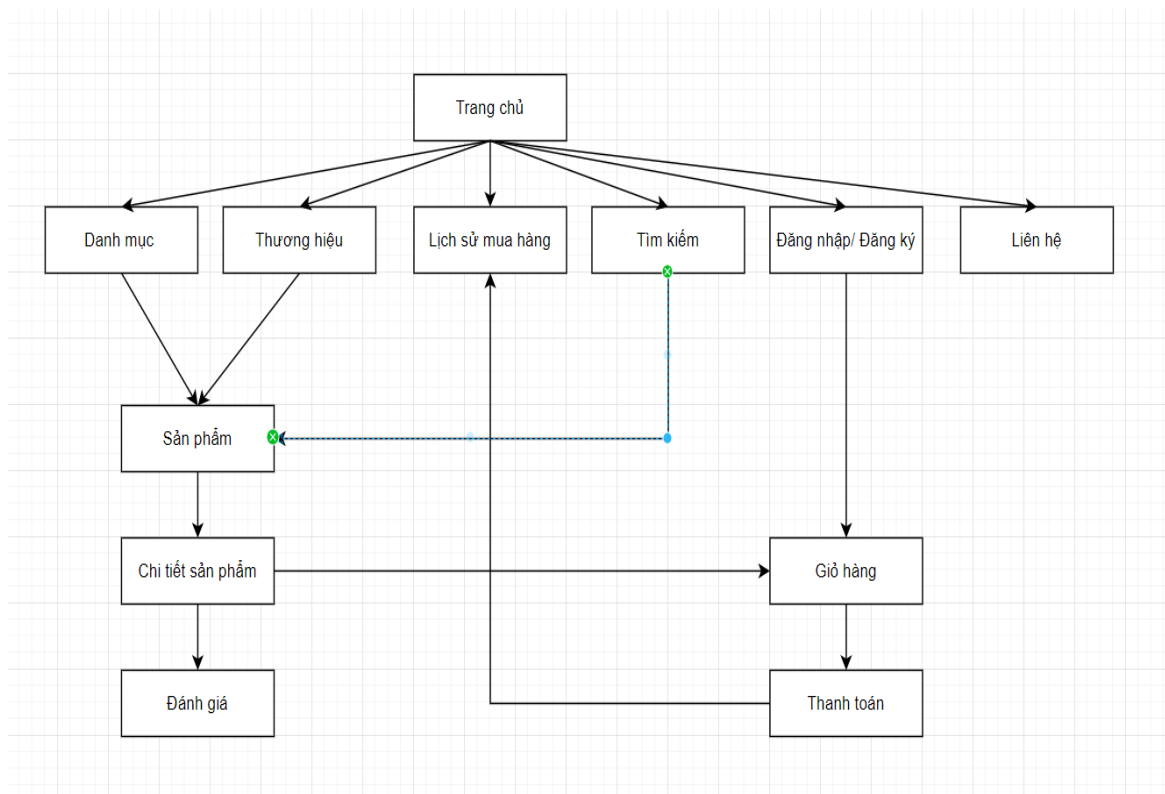
Tên cột	Kiểu dữ liệu	Mô tả
xaid	Varchar(5)	Số thứ tự (khóa chính)
Name_xaphuong	Varchar(100)	Tên xã phường
type	Varchar(30)	Loại
maqh	int	Mã quận huyện

3.3 Danh sách Actor

Bảng 3.3.1 Danh sách Actor

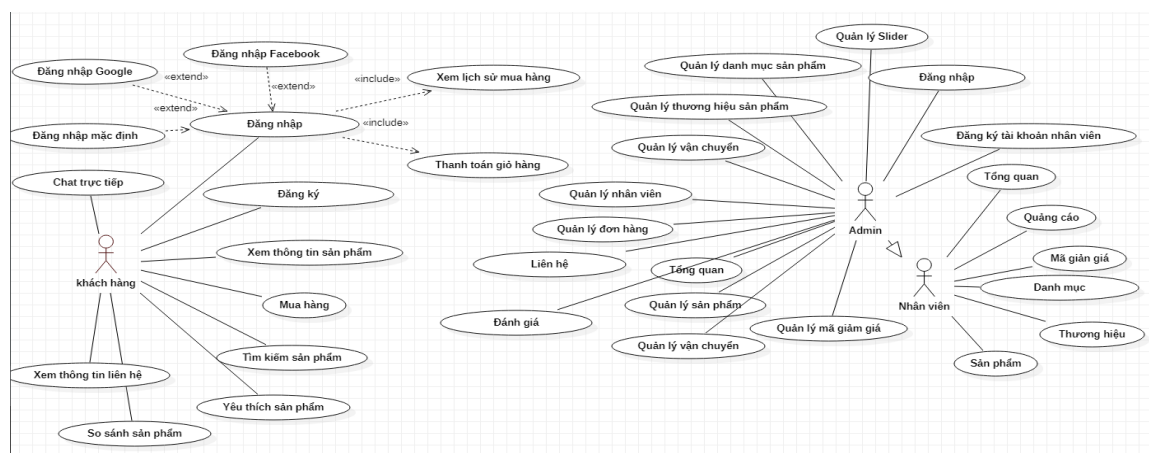
STT	Tên Actor	Ý nghĩa
1	Admin	Admin là người có toàn quyền tương tác với hệ thống, có quyền sử dụng tất cả các chức năng mà webstie có
2	Nhân viên	Nhân viên ở đây là người được admin cung cấp cho một số chức năng nhất định của website
3	Khách hàng	Khách hàng ở đây là người truy cập vào website, có thể đăng ký hoặc đăng nhập để thực hiện chức năng thanh toán khi mua hàng

3.4 Sơ đồ liên kết màn hình



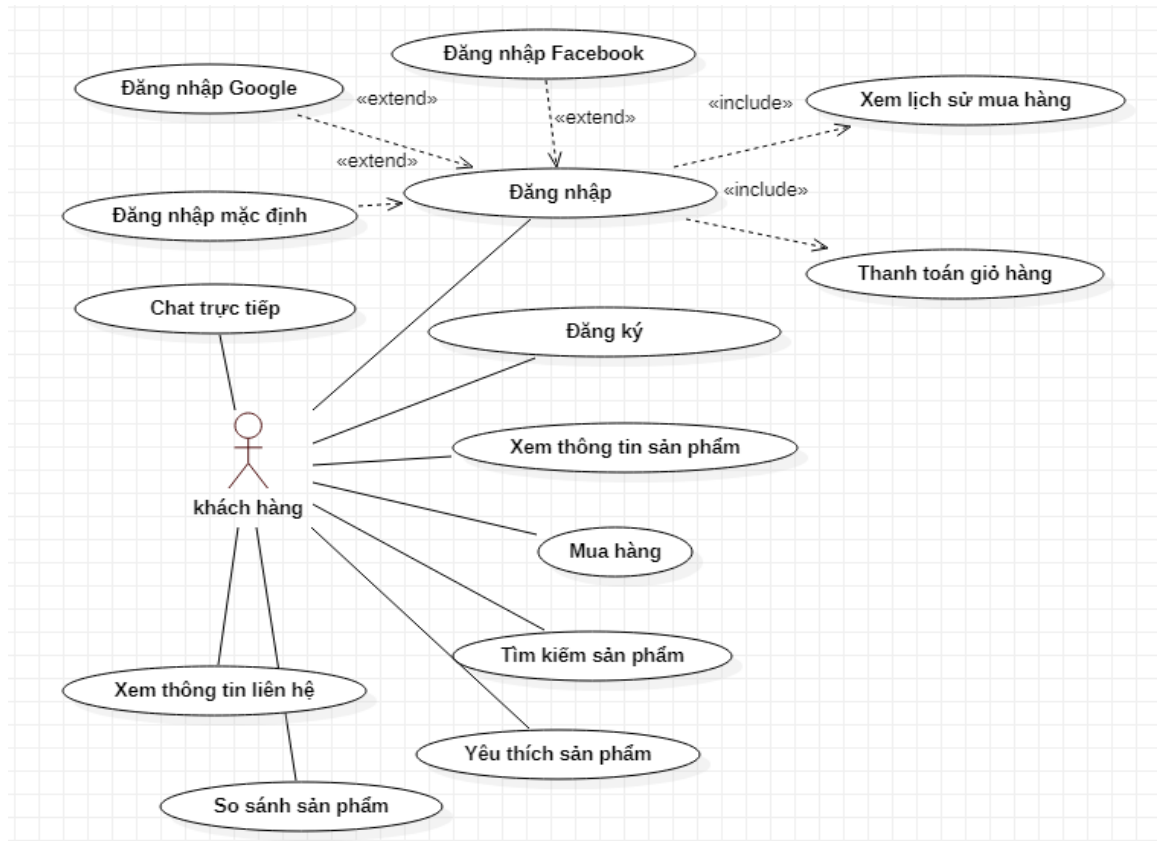
Hình 3.4 Sơ đồ liên kết mà hình

3.5 Sơ đồ use case



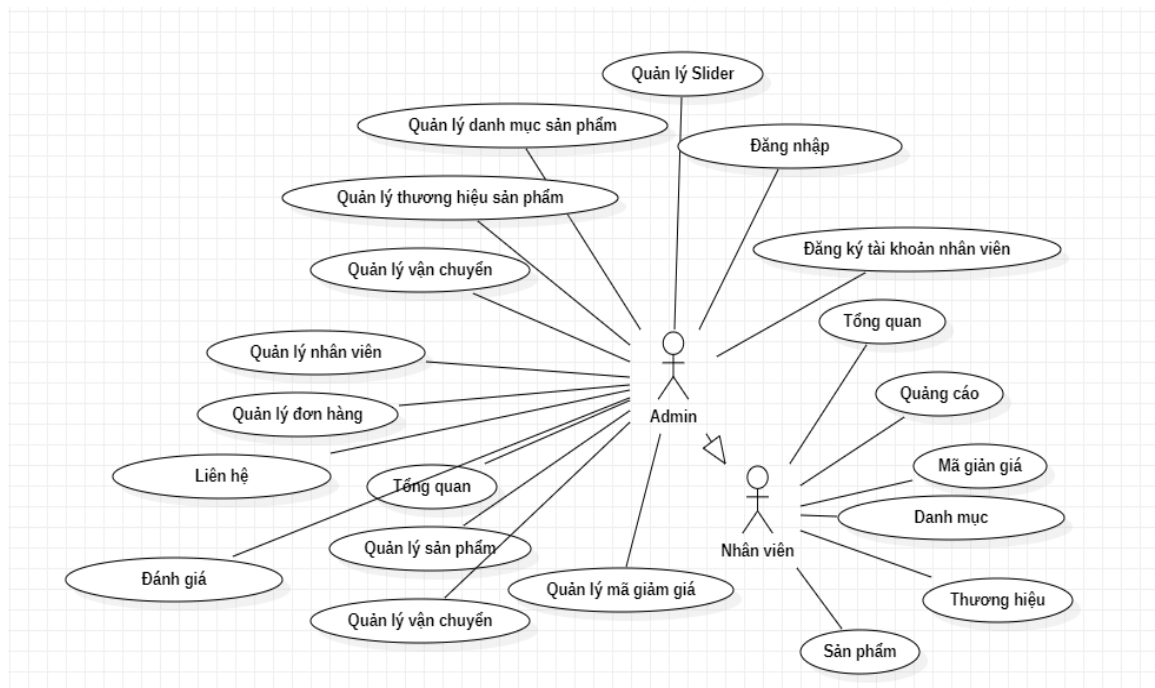
Hình 3.5 Use case tổng quát

3.5.1 Use case Admin



Hình 3.5.1 Use case Admin

3.5.2 Use case Khách hàng



Hình 3.5.2 Use case quản lý Khách hàng

3.6.1 Đặt tả use case

➤ Admin

✓ Use case đăng nhập

Use case – Đăng nhập	
Tên	Đăng nhập
Định nghĩa	Người quản trị đăng nhập vào hệ thống
Actor	Admin, nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Không
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hệ thống hiển thị giao diện đăng nhập, yêu cầu người quản trị website nhập tên tài khoản email và mật khẩu để đăng nhập 2. Người quản trị nhập tên tài khoản email và mật khẩu và nhấn nút “ đăng nhập” 3. Hệ thống kiểm tra thông tin tài khoản email và mật khẩu

	nếu sai thì quay lại bước 1
Dòng sự kiện thay thế	Quay lại màn hình đăng nhập
Điều kiện sau	Người quản trị đăng nhập đúng thì vào trang quản trị và thực hiện các chức năng có trong website

✓ **Đăng ký**

Use case – Đăng ký	
Tên	Đăng ký
Định nghĩa	Nhân viên đăng ký khi muốn làm nhân viên của cửa hàng
Actor	Nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Được nhận vào làm việc
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Từ giao diện đăng nhập dành cho nhân viên, chọn đăng ký 2. Hệ thống hiện giao diện trang đăng ký, yêu cầu nhân viên nhập thông tin 3. Nhân viên nhập thông tin vào rồi nhấn nút “đăng ký” 4. Hệ thống sẽ kiểm tra thông tin, nếu sai sẽ hiện thông báo và quay lại bước 1 5. Nếu đúng sẽ hiện thông báo và quay lại trang đăng nhập
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Nhân viên đăng nhập vào được trang quản lý

✓ **Use case quản lý sản phẩm**

○ **Thêm sản phẩm**

Use case – Thêm sản phẩm

Tên	Thêm sản phẩm
Định nghĩa	Khi người admin/ nhân viên vào hệ thống và muốn thêm sản phẩm mới
Actor	Admin/ nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Admin/ nhân viên cần đăng nhập vào hệ thống trước
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin/ nhân viên chọn mục quản lý sản phẩm 2. Chọn tiếp mục thêm sản phẩm 3. Hiện thị trang nhập thông tin sản phẩm mới 4. Nhập thông tin sản phẩm 5. Nếu thêm sản phẩm không thành công sẽ có thông báo ở từng mục của sản phẩm và quay lại bước 3
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Hệ thống sẽ hiện thị trang danh sách sản phẩm và thông báo khi đã thêm thành công sản phẩm

○ **Sửa sản phẩm**

Use case – Sửa sản phẩm	
Tên	Sửa sản phẩm
Định nghĩa	Khi admin/ nhân viên muốn sửa thông tin sản phẩm
Actor	Admin, nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Admin/ nhân viên đăng nhập vào
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin/ nhân viên chọn vào mục sản phẩm và tiếp tục chọn vào liệt kê sản phẩm 2. Danh sách sản phẩm được liệt kê và chọn sản phẩm muốn sửa. Chọn sửa thông tin

	3. Giao diện thông tin sản phẩm cần sửa hiện ra 4. Nhập lại thông tin cần chỉnh sửa và nhấn nút cập nhật 5. Nếu thông tin cập nhật bị sai sẽ hiển thị thông báo và quay lại bước 3
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Nếu đúng thông tin chỉnh sửa đúng sẽ hiển thị thông báo và cập nhật lại trên cơ sở dữ liệu

○ **Xóa sản phẩm**

Use case – Xóa sản phẩm	
Tên	Xóa sản phẩm
Định nghĩa	Khi admin/ nhân viên muốn xóa sản phẩm
Actor	Admin, nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Admin/ nhân viên đăng nhập vào
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	1. Admin/ nhân viên chọn vào mục sản phẩm và tiếp tục chọn vào liệt kê sản phẩm 2. Danh sách sản phẩm được liệt kê 3. Chọn nút xóa với sản phẩm tương ứng 4. Một thông báo hiển thị ra 5. Chọn hủy để không xóa
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Chọn đồng ý thì tất cả thông tin sản phẩm sẽ xóa trên cơ sở dữ liệu, và hiển thị thông báo xóa thành công

✓ **Use case quản lý slider**

○ Thêm slider (quảng cáo)

Use case – Thêm slider	
Tên	Thêm slider
Định nghĩa	Khi người admin/ nhân viên vào hệ thống và muốn thêm slider mới
Actor	Admin/ nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Admin/ nhân viên cần đăng nhập vào hệ thống trước
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin/ nhân viên chọn mục quản lý slider 2. Chọn tiếp mục thêm slider 3. Hiện thị trang nhập thông tin slider mới 4. Nhập thông tin slider 5. Nếu thêm slider không thành công sẽ có thông báo ở từng mục của slider quay lại bước 3
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Hệ thống sẽ hiển thị trang danh sách slider và thông báo khi đã thêm thành công slider

○ Xóa slider

Use case – Xóa sản phẩm	
Tên	Xóa slider
Định nghĩa	Khi admin/ nhân viên muốn xóa slider
Actor	Admin, nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Admin/ nhân viên đăng nhập vào
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin/ nhân viên chọn vào mục slider và tiếp tục chọn vào liệt kê slider 2. Danh sách slider được liệt kê

	3. Chọn nút xóa với slider tương ứng 4. Một thông báo hiển thị ra 5. Chọn hủy để không xóa
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Chọn đồng ý thì tất cả thông tin slider sẽ xóa trên cơ sở dữ liệu, và hiển thị thông báo xóa thành công

✓ Use case quản lý mã giảm giá

○ Thêm mã giảm giá

Use case – Thêm mã giảm giá	
Tên	Thêm mã giảm giá
Định nghĩa	Khi người admin/ nhân viên vào hệ thống và muốn thêm mã giảm giá mới
Actor	Admin/ nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Admin/ nhân viên cần đăng nhập vào hệ thống trước
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	1. Admin/ nhân viên chọn mục quản lý mã giảm giá 2. Chọn tiếp mục thêm mã giảm giá 3. Hiển thị trang nhập thông tin mã giảm giá mới 4. Nhập thông tin mã giảm giá 5. Nếu thêm mã giảm giá không thành công sẽ có thông báo ở từng mục của mã giảm giá
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Hệ thống sẽ hiển thị trang danh sách mã giảm giá và thông báo khi đã thêm thành công mã giảm giá

○ **Sửa mã giảm giá**

Use case – Sửa mã giảm giá	
Tên	Sửa mã giảm giá
Định nghĩa	Khi admin/ nhân viên muốn sửa thông tin mã giảm giá
Actor	Admin, nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Admin/ nhân viên đăng nhập vào
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin/ nhân viên chọn vào mục mã giảm giá và tiếp tục chọn vào liệt kê mã giảm giá 2. Danh sách mã giảm giá được liệt kê và chọn mã giảm giá muốn sửa. Chọn sửa thông tin 3. Giao diện thông tin mã giảm giá cần sửa hiện ra 4. Nhập lại thông tin cần chỉnh sửa và nhấn nút cập nhật 5. Nếu thông tin cập nhật bị sai sẽ hiển thị thông báo và quay lại bước 3
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Nếu đúng thông tin chỉnh sửa đúng sẽ hiển thị thông báo và cập nhật lại trên cơ sở dữ liệu

○ **Xóa mã giảm giá**

Use case – Xóa mã giảm giá	
Tên	Xóa mã giảm giá
Định nghĩa	Khi admin/ nhân viên muốn xóa mã giảm giá
Actor	Admin, nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Admin/ nhân viên đăng nhập vào
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin/ nhân viên chọn vào mục mã giảm giá và tiếp tục

	chọn vào liệt kê mã giảm giá 2. Danh sách mã giảm giá được liệt kê 3. Chọn nút xóa với mã giảm giá tương ứng 4. Một thông báo hiển thị ra 5. Chọn hủy để không xóa
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Chọn đồng ý thì tất cả thông tin mã giảm giá sẽ xóa trên cơ sở dữ liệu, và hiển thị thông báo xóa thành công

✓ **Use case quản lý thương hiệu**

○ **Thêm thương hiệu**

Use case – Thêm thương hiệu	
Tên	Thêm thương
Định nghĩa	Khi người admin/ nhân viên vào hệ thống và muốn thêm thương hiệu mới
Actor	Admin/ nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Admin/ nhân viên cần đăng nhập vào hệ thống trước
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	1. Admin/ nhân viên chọn mục quản lý thương hiệu 2. Chọn tiếp mục thêm thương hiệu 3. Hiển thị trang nhập thông tin thương hiệu mới 4. Nhập thông tin thương hiệu 5. Nếu thêm thương hiệu không thành công sẽ có thông báo ở từng mục
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Hệ thống sẽ hiển thị trang danh sách thương hiệu và thông

	báo khi đã thêm thành công thương hiệu
--	--

○ **Sửa thương hiệu**

Use case – Sửa thương hiệu	
Tên	Sửa thương hiệu
Định nghĩa	Khi admin/ nhân viên muốn sửa thông tin thương hiệu
Actor	Admin, nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Admin/ nhân viên đăng nhập vào
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin/ nhân viên chọn vào mục thương hiệu và tiếp tục chọn vào liệt kê thương hiệu 2. Danh sách thương hiệu được liệt kê và chọn thương hiệu muốn sửa. Chọn sửa thông tin 3. Giao diện thông tin sản phẩm cần sửa hiện ra 4. Nhập lại thông tin cần chỉnh sửa và nhấn nút cập nhật 5. Nếu thông tin cập nhật bị sai sẽ hiển thị thông báo và quay lại bước 3
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Nếu đúng thông tin chỉnh sửa đúng sẽ hiển thị thông báo và cập nhật lại trên cơ sở dữ liệu

○ **Xóa thương hiệu**

Use case – Xóa sản phẩm	
Tên	Xóa thương hiệu
Định nghĩa	Khi admin/ nhân viên muốn xóa thương hiệu
Actor	Admin, nhân viên
Điều kiện tiên quyết	Admin/ nhân viên đăng nhập vào
Dòng sự kiện	

Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin/ nhân viên chọn vào mục thương hiệu và tiếp tục chọn vào liệt kê thương hiệu 2. Danh sách thương hiệu được liệt kê 3. Chọn nút xóa với thương hiệu tương ứng 4. Một thông báo hiển thị ra 5. Chọn hủy để không xóa
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Chọn đồng ý thì tất cả thông tin thương hiệu sẽ xóa trên cơ sở dữ liệu, và hiển thị thông báo xóa thành công

✓ Use case quản liên hệ

○ Thêm liên hệ

Use case – Thêm sản phẩm	
Tên	Thêm sản phẩm
Định nghĩa	Khi admin vào hệ thống và muốn liên hệ
Actor	Admin
Điều kiện tiên quyết	Admin cần đăng nhập vào hệ thống trước
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin chọn mục quản lý liên hệ 2. Hiển thị trang nhập thông tin liên hệ mới 3. Nhập thông tin liên hệ 4. Nếu thêm liên hệ không thành công sẽ có thông báo ở từng mục của liên hệ
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Hệ thống sẽ hiển thị thông báo khi đã thêm liên hệ thành công

○ Cập nhật liên hệ

Use case – Cập nhật liên hệ	
Tên	Cập nhật liên hệ
Định nghĩa	Khi nhân viên muốn cập nhật lại thông tin liên hệ
Actor	Admin
Điều kiện tiên quyết	Admin đăng nhập vào
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin chọn mục quản lý liên hệ 2. Hiện thị trang thông tin liên hệ đã có 3. Cập nhật lại thông tin liên hệ và chọn nút “cập nhật” 4. Nếu thông tin liên hệ cập nhật bị lỗi thì thông báo sẽ hiển thị quay lại bước 3
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Hệ thống sẽ hiển thị thông báo khi đã thêm liên hệ thành công

✓ Use case quản lý đơn hàng

○ Xóa đơn hàng

Use case – Xóa đơn hàng	
Tên	Xóa đơn hàng
Định nghĩa	Xóa đơn hàng khi khách hàng không nhân
Actor	Admin
Điều kiện tiên quyết	Admin đăng nhập vào
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin chọn đơn hàng và tiếp tục chọn vào quản lý đơn hàng 2. Trang liệt kê tất cả đơn hàng được hiển thị 3. Admin xóa đơn hàng muốn xóa 4. Hiện thị thông báo xóa đơn hàng 5. Chọn hủy đơn hàng sẽ không được xóa và quay lại bước 2

Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Chọn đồng ý thì đơn hàng đó sẽ được xóa khỏi cơ sở dữ liệu

✓ **Use case quản lý đánh giá**

○ **Xóa đánh giá**

Use case – Xóa đánh giá	
Tên	Xóa đánh giá
Định nghĩa	Xóa đánh giá spam, không liên quan
Actor	Admin
Điều kiện tiên quyết	Admin đăng nhập vào
Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin chọn quản lý đánh giá và tiếp tục chọn đánh giá 2. Trang liệt kê tất cả các đánh giá hiện lên 3. Admin chọn nút xóa 4. Thông báo hiển thị lên, admin chọn xóa 5. Chọn không thì thông báo tắt và quay lại bước 2
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	Chọn xóa thông báo xóa thành công xuất hiện và nội dung của đánh giá đó sẽ xóa khỏi cơ sở dữ liệu

✓ **Use case quản lý nhân viên**

○ **Quản lý nhân viên**

Use case – Trả lời đánh giá	
Tên	Quản lý đơn hàng
Định nghĩa	Trả lời đánh giá khách hàng về sản phẩm
Actor	Admin
Điều kiện tiên quyết	Admin đăng nhập vào

Dòng sự kiện	
Dòng sự kiện chính	<ol style="list-style-type: none"> 1. Admin chọn quản lý đánh giá và tiếp tục chọn đánh giá 2. Trang liệt kê tất cả các đánh giá hiện lên 3. Admin chọn trả lời đánh giá và ghi nội dung 4. Admin chọn trả lời
Dòng sự kiện thay thế	Không
Điều kiện sau	

3.7 Biểu đồ tuần tự

3.7.1 Biểu đồ tuần tự quản lý sản phẩm



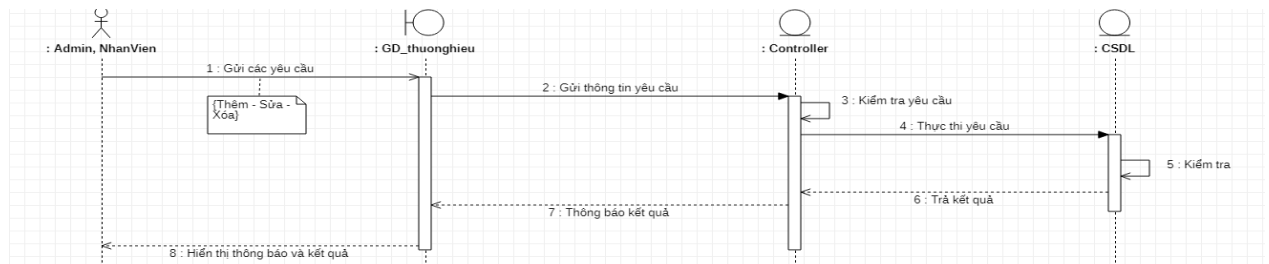
Hình 3.7.1 Biểu đồ tuần tự quản lý sản phẩm

3.7.2 Biểu đồ tuần tự quản lý danh mục



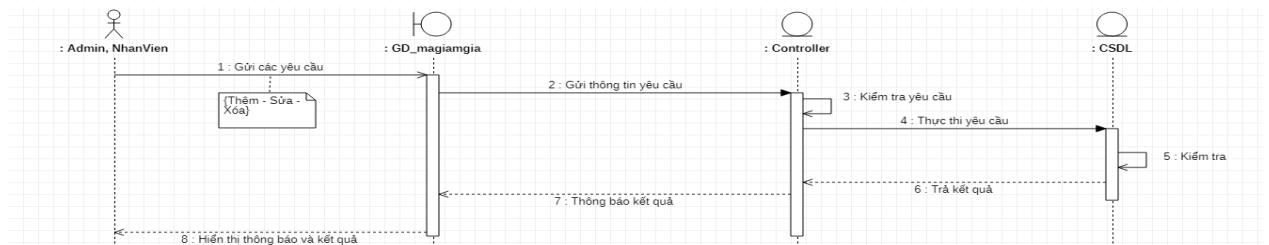
Hình 3.7.2 Biểu đồ tuần tự quản lý danh mục

3.7.3 Biểu đồ tuần tự quản lý thương hiệu



Hình 3.7.3 Biểu đồ tuần tự quản lý thương hiệu

3.7.4 Biểu đồ tuần tự mã giảm giá



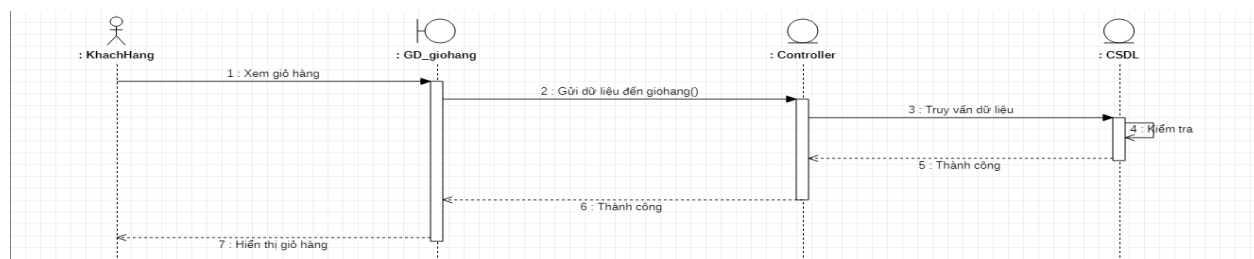
Hình 3.7.4 Biểu đồ tuần tự mã giảm giá

3.7.5 Biểu đồ tuần tự slider



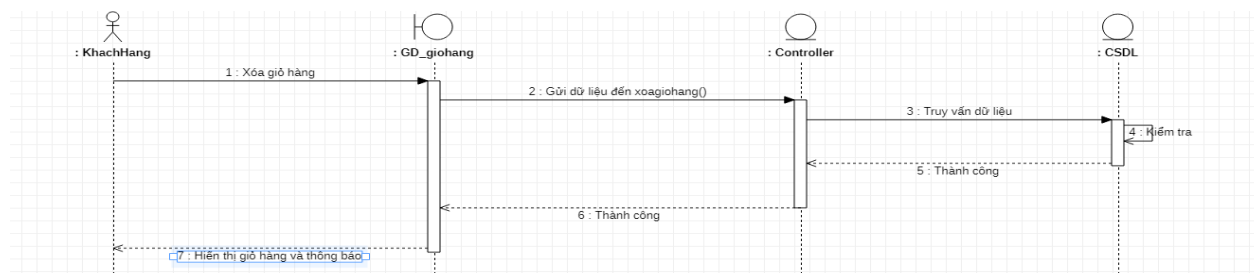
Hình 3.7.5 Biểu đồ tuần tự slider

3.7.6 Biểu đồ tuần tự xem giỏ hàng



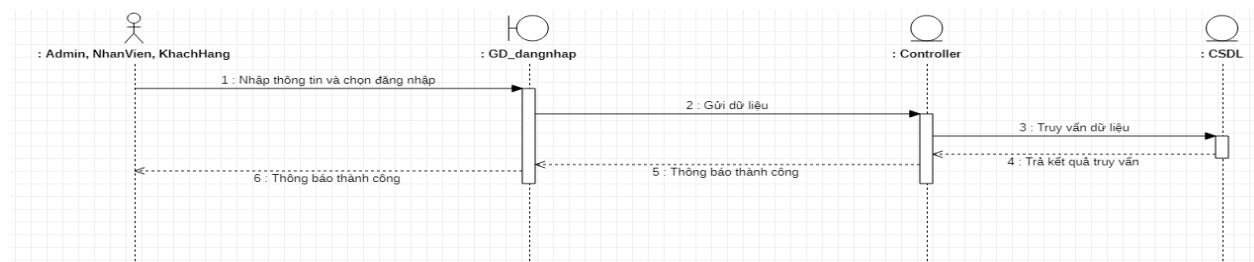
Hình 3.7.6 Biểu đồ tuần tự xem giỏ hàng

3.7.7 Biểu đồ tuần tự xóa giỏ hàng



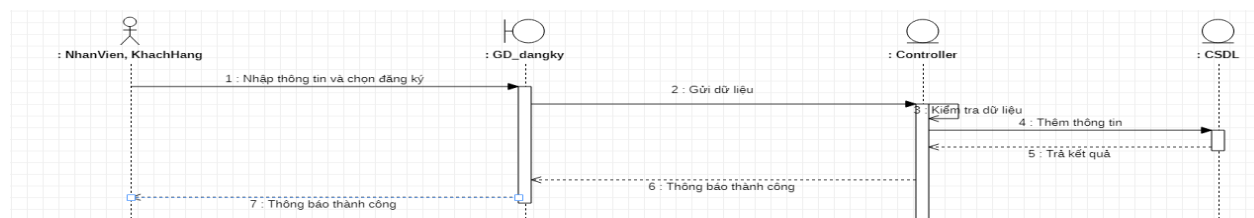
Hình 3.7.7 Biểu đồ tuần tự xóa giỏ hàng

3.7.8 Biểu đồ tuần tự đăng nhập



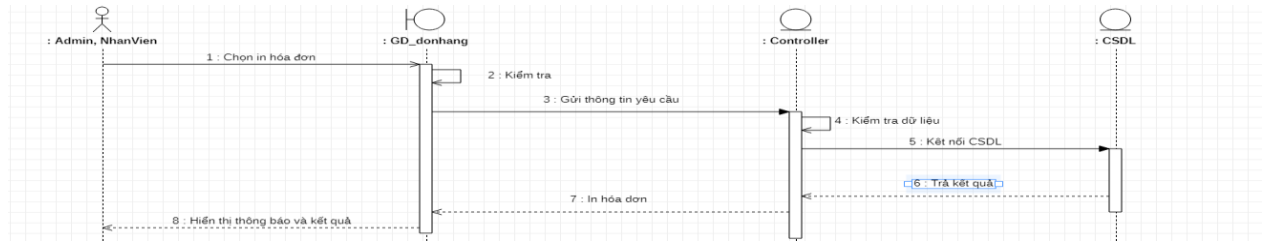
Hình 3.7.8 Biểu đồ tuần tự đăng nhập

3.7.9 Biểu đồ tuần tự đăng ký



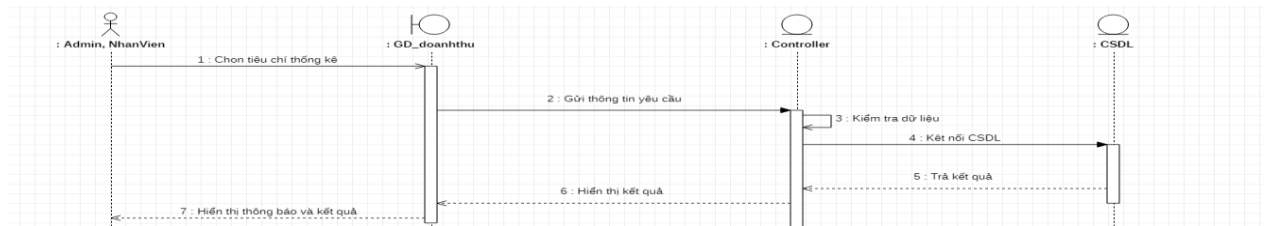
Hình 3.7.9 Biểu đồ tuần tự đăng ký

3.7.10 Biểu đồ tuần tự in hóa đơn



Hình 3.7.10 Biểu đồ tuần tự in hóa đơn

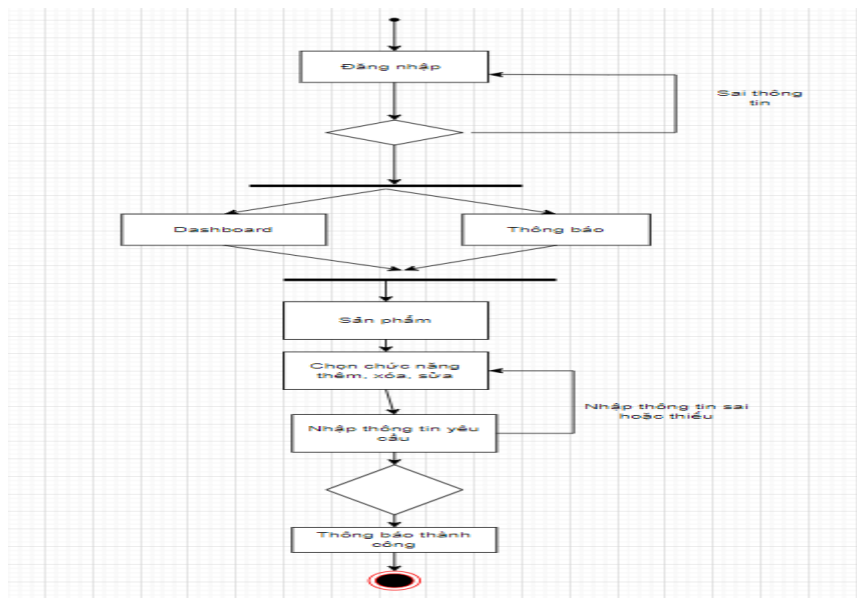
3.7.11 Biểu đồ tuần tự thống kê



Hình 3.7.11 Biểu đồ tuần tự thống kê

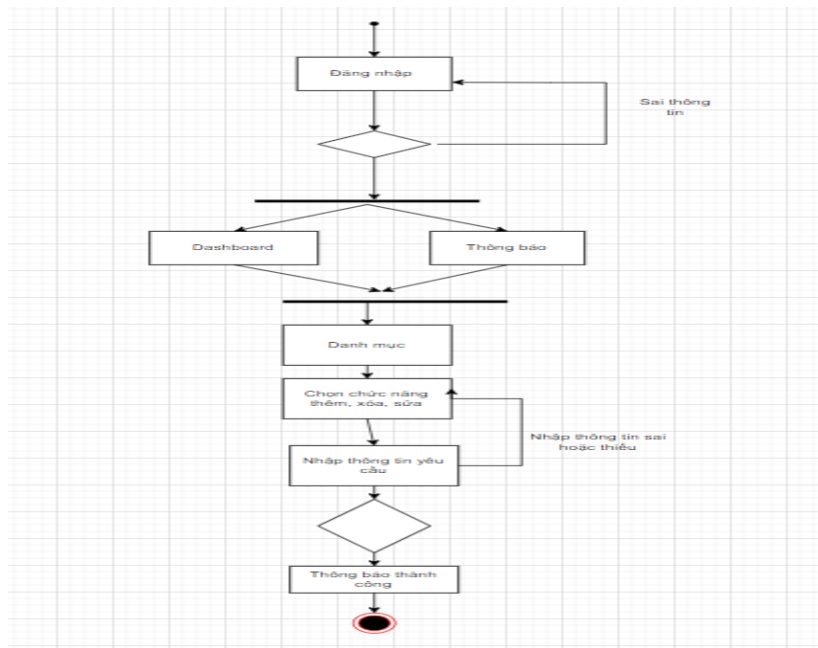
3.8 Biểu đồ hoạt động

3.8.1 Biểu đồ hoạt động quản lý sản phẩm



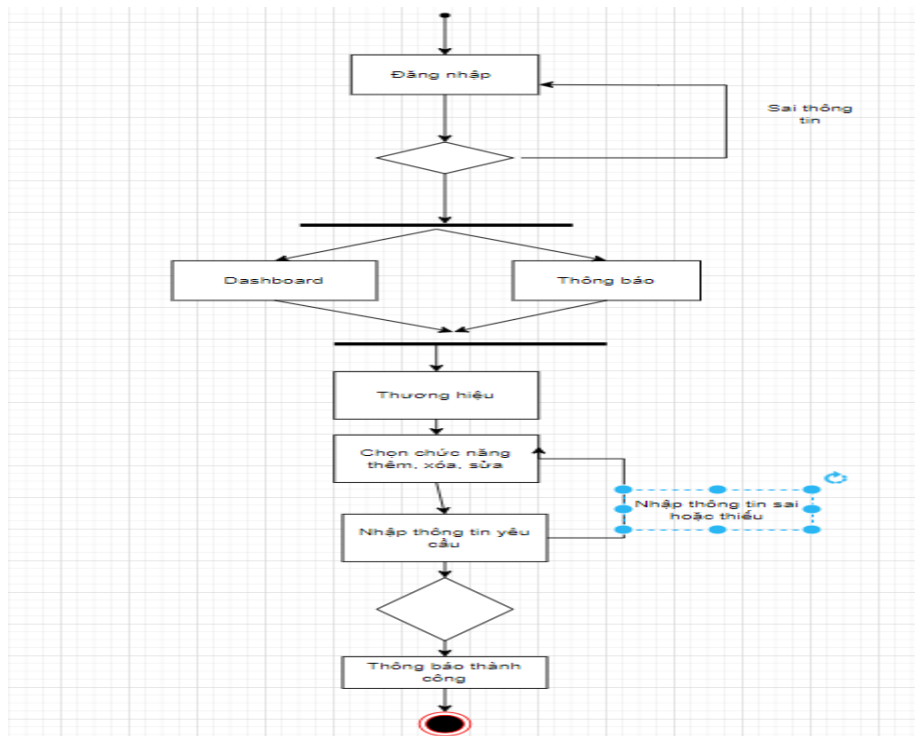
Hình 3.8.1 Biểu đồ hoạt động quản lý sản phẩm

3.8.2 Biểu đồ hoạt động quản lý danh mục



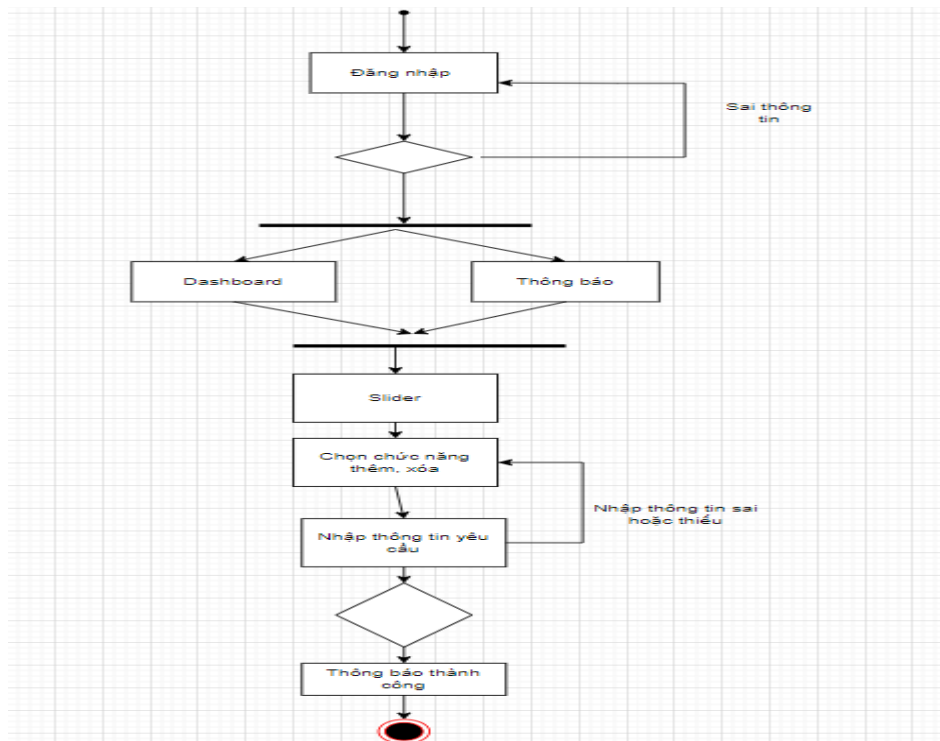
Hình 3.8.2 Biểu đồ hoạt động quản lý danh mục

3.8.3 Biểu đồ hoạt động quản lý thương hiệu



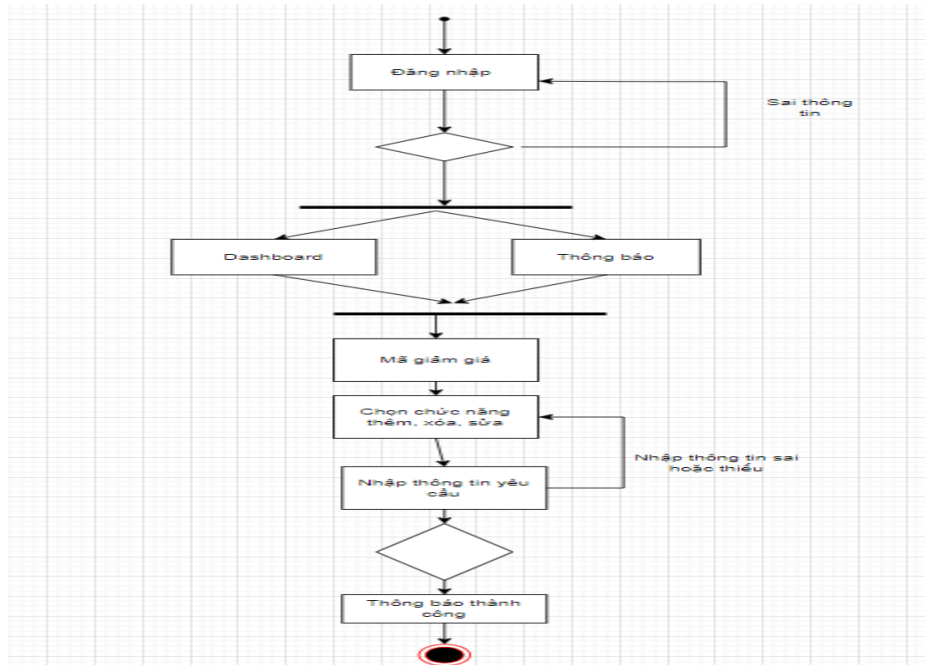
Hình 3.8.3 Biểu đồ hoạt động quản lý thương hiệu

3.8.4 Biểu đồ hoạt động quản lý slider



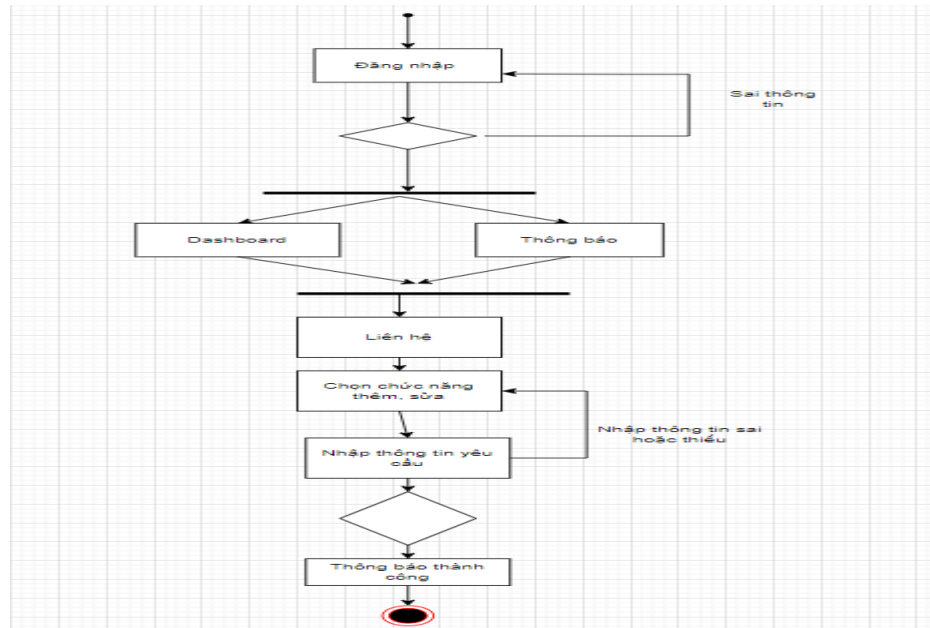
Hình 3.8.4 Biểu đồ hoạt động quản lý slider

3.8.5 Biểu đồ hoạt động quản lý mã giảm giá



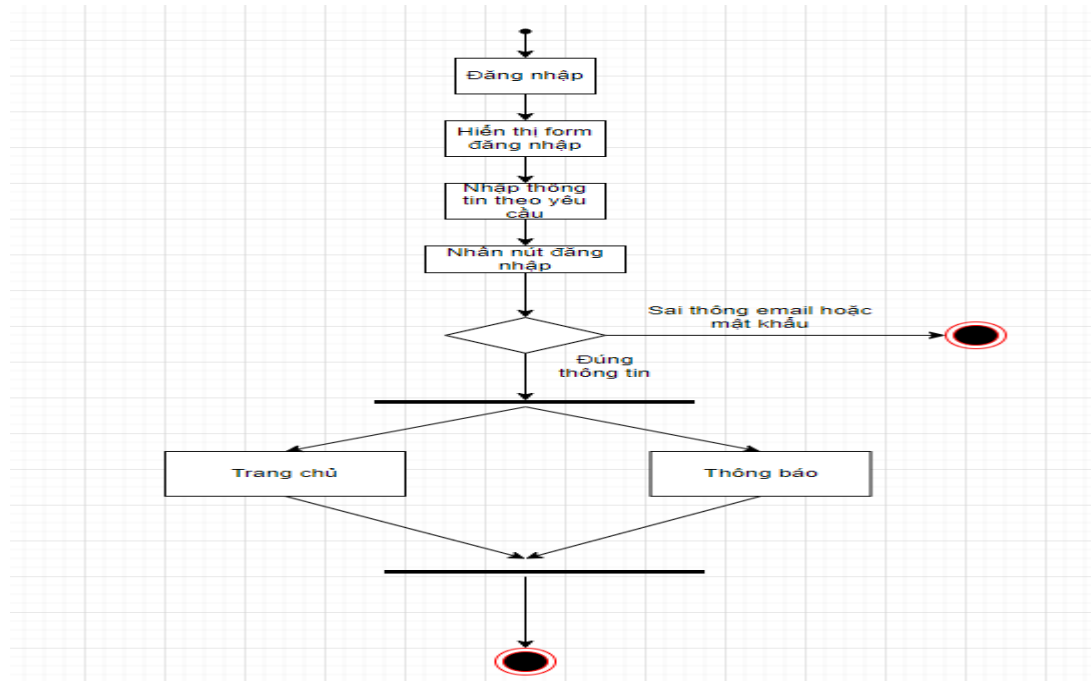
Hình 3.8.5 Biểu đồ hoạt động quản lý mã giảm giá

3.8.6 Biểu đồ hoạt động quản lý liên hệ



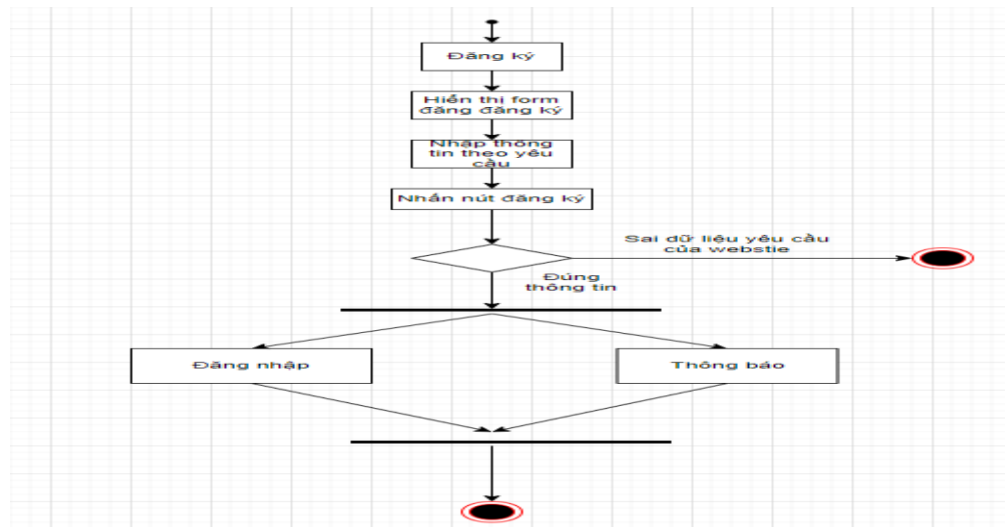
Hình 3.8.6 Biểu đồ hoạt động quản lý liên hệ

3.8.7 Biểu đồ hoạt động đăng nhập khách hàng, admin, nhân viên



Hình 3.8.7 Biểu đồ hoạt động đăng nhập

3.8.8 Biểu đồ hoạt động đăng ký nhân viên, admin



Hình 3.8.8 Biểu đồ hoạt động đăng ký

CHƯƠNG 4. XÂY DỰNG ỨNG DỤNG

Chương này trình bày về các chức năng, giao diện của webstie và hướng dẫn cách hoạt động của website

4.1 Phân quyền chức năng người dùng

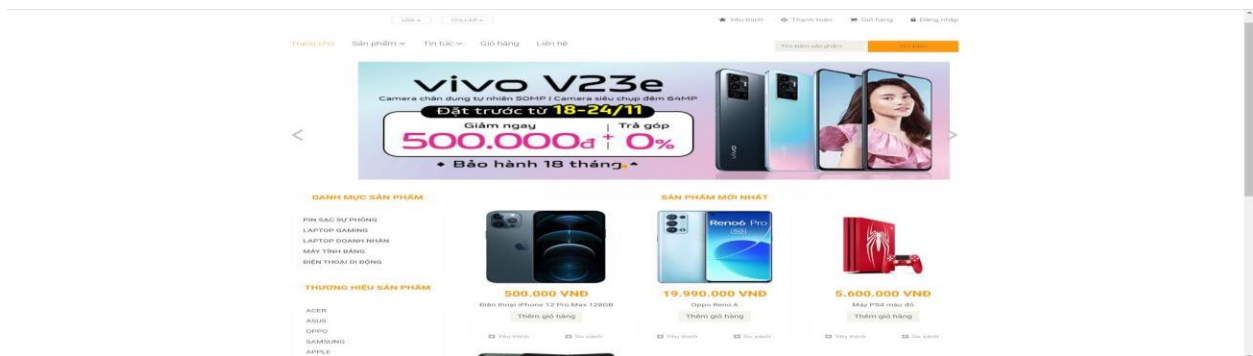
Bảng 4.1: Phân quyền và chức năng người dùng

	Khách văn lai	Khách hàng	Admin (chủ cửa hàng)	Nhân viên
Trang quản trị				
Đăng ký	Không	Không	Có	Có
Đăng nhập	Không	Không	Có	Có
Dashboard	Không	Không	Có	Có
Slider	Không	Không	Có	Có
Mã giảm giá	Không	Không	Có	Có
Danh mục sản phẩm	Không	Không	Có	Có
Thương hiệu sản phẩm	Không	Không	Có	Có
Sản phẩm	Không	Không	Có	Có
Liên hệ	Không	Không	Có	Không
Đơn hàng	Không	Không	Có	Không
Đánh giá	Không	Không	Có	Không
Nhân Viên	Không	Không	Có	Không
Khách hàng				
Trang chủ	Có	Có	Có	Có
Đăng ký	Có	Có	Có	Có

Đăng nhập	Có	Có	Có	Có
Chat trực tiếp	Có	Có	Có	Có
Liên hệ	Có	Có	Có	Có
Yêu thích sản phẩm	Có	Có	Không	Không
So sánh sản phẩm	Có	Có	Không	Không
Xem thông tin chi tiết sản phẩm	Có	Có	Có	Có
Đặt hàng	Có	Có	Không	Không
Thanh toán	Không	Có	Không	Không
Lịch sử đặt hàng	Không	Có	Không	Không

4.2 Chức năng và hướng dẫn

4.2.1 Giao diện chính



Hình 4.1 Giao diện trang chủ

Hiện thị những sản phẩm mới nhất của trang web giúp khách hàng có thể thấy được những thông tin của sản phẩm trên trang này

4.2.2 Đăng nhập và đăng ký



Hình 4.2 Giao diện đăng nhập và đăng ký

Mục đích của trang đăng ký:

Chức năng này cho phép người dùng đăng ký làm thành viên của website với họ và tên, địa chỉ email, mật khẩu và số điện thoại

Mục đích của chức năng đăng nhập:

Chức năng này cho phép người dùng đăng nhập vào trang web bằng email và mật khẩu mình đã đăng ký và tiến hành mua hàng và thanh toán

4.2.3 Giao diện danh mục sản phẩm



Hình 4.3 Giao diện danh mục sản phẩm

Mục đích của giao diện danh mục sản phẩm

Trang web này sẽ hiển thị những danh mục của sản phẩm gần giống với nhau giúp khách hàng có thể nhanh chóng tìm sản phẩm của mình

4.2.4 Chi tiết sản phẩm



Hình 4.4 Giao diện chi tiết sản phẩm

Mục đích của chi tiết sản phẩm

Trang này hiển thị thông tin chi tiết cũng như những thông số của sản phẩm giúp khách hàng tìm những sản phẩm phù hợp với yêu cầu của mình

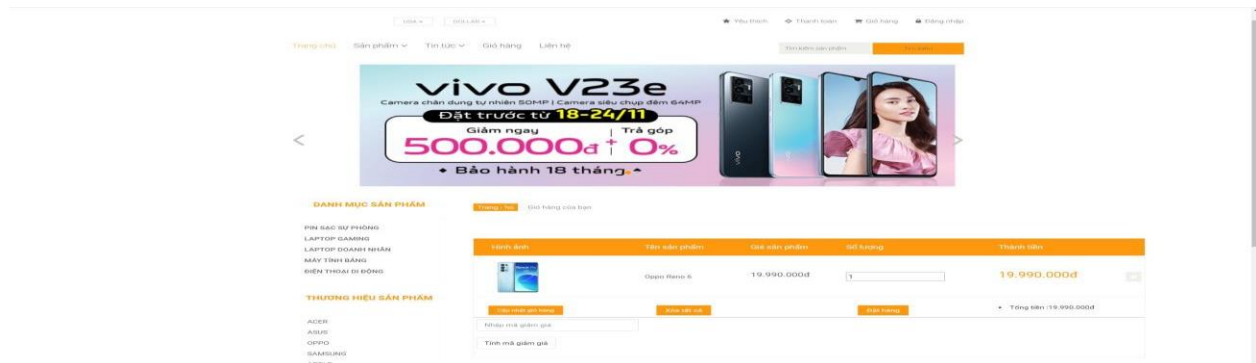
4.2.5 Sản phẩm liên quan



Hình 4.5 Giao diện sản phẩm liên quan

Mục đích của trang sản phẩm liên quan

Trang này gợi ý những sản phẩm có cùng tính chất với sản phẩm mà khách hàng đang xem để khách hàng có thể chọn những sản phẩm gần giống như sản phẩm mà mình đang xem



4.2.6 Giao diện giỏ hàng

Hình 4.6 *Giao diện giỏ hàng*

Khi khách hàng đã xem hàng và thêm hàng vào giỏ xong thì khách hàng chọn mục giỏ hàng để xem chi tiết những món hàng có trong giỏ của mình. Ở trang này khách hàng có những lựa chọn như:

4.2.8 Trang đăng nhập admin

ĐĂNG NHẬP TÀI KHOẢN

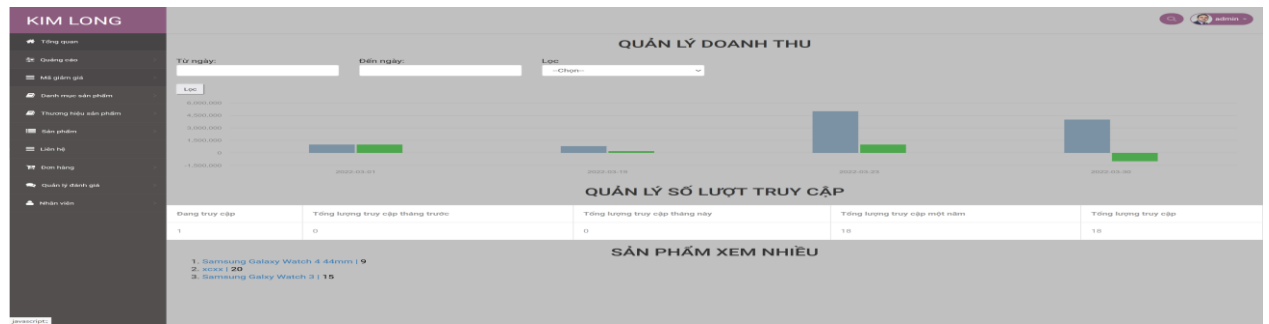
ĐĂNG NHẬP

Đăng ký | Đăng nhập

Hình 4.8 *Đăng nhập admin*

Chủ của hàng sẽ được cung cấp tài khoản và mật khẩu để truy cập vào trang quản lý của cửa hàng mình. Các bước để chủ cửa hàng truy cập vào trang quản trị

4.2.9 Giao diện Admin



Hình 4.9 Giao diện trang tổng quan

Trang này giúp chủ cửa hàng quản lý trang web của mình một cách tốt nhất. Bên tay trái là những chức năng trang web có chủ cửa hàng có thể chọn một trong những chức năng đó để xem chi tiết







4.2.11 Liệt kê slider

LIỆT KÊ BANNER			
Tên slide	Hình ảnh	Mô tả	Tình trạng
Điện thoại		DDienj thoiadj	
Điện thoại		Điện thoại	

Hình 4.11 Giao diện liệt kê slider

Trang này giúp chủ cửa quản lý những quảng cáo sản phẩm ở trên chủ của cửa hàng. Ở trang này chủ cửa hàng sẽ có 2 trường hợp để chọn

4.2.12 Giao diện đơn hàng

LIỆT KÊ ĐƠN HÀNG				
Thứ tự	Mã đơn hàng	Ngày tháng đặt hàng	Tình trạng đơn hàng	Lý do hủy hàng
1	121a0	2022-03-30 19:34:41	Đã giao hàng	 
2	b05cf	2022-03-28 11:05:06	Đơn hàng mới	 
3	187ca	2022-03-23 15:03:18	Đã giao hàng	 

Hình 4.12 Giao diện đơn hàng

Giúp chủ cửa hàng biết cửa hàng mình hiện có bao nhiêu đơn hàng và tình trạng của đơn hàng đó như thế nào. Ở trang này chủ khách hàng có hai sự lựa chọn

4.2.13 Chi tiết đơn hàng

THÔNG TIN ĐĂNG NHẬP					
Tên khách hàng	Số điện thoại	Email			
Hao Nguyen		hao012345@gmail.com			

THÔNG TIN VẬN CHUYỂN HÀNG					
Tên người vận chuyển	Kiểm chỉ	Số điện thoại	Email	Giới tính	Hành trình thanh toán
Hao	Thuan an	0123	hao012345@gmail.com	đực	Tiền mặt

LIỆT KÊ CHI TIẾT ĐƠN HÀNG						
<input type="checkbox"/>	Tên sản phẩm	Số lượng kho	Mã giảm giá	Phí vận chuyển	Số lượng	Tổng tiền
1	Samsung Galaxy Watch 4 44mm	99	Không mã	0VND	1	3.990.000 VND
Tổng giảm: 0 VND						
Thành toán: 3.990.000VND						
<div> <input type="text" value="Đã giao hàng"/> </div>						

Hình 4.13 Giao diện chi tiết đơn hàng

Trang này giúp chủ của hàng có thể xem thông tin chi tiết đơn hàng mà khách hàng đặt

4.2.17 Quản lý mã giảm giá

LIỆT KÊ MÃ GIẢM GIÁ									
Tên mã giảm giá	Mã giảm giá	Số lượng giảm giá	Bắt đầu	Kết thúc	Điều kiện giảm giá	Giảm	Trạng thái	Thời hạn	Gửi mã khuyến mãi
tes2	2	1	01-03-2022	31-03-2022	%	20 %	Còn hiệu lực	Còn thời hạn	Gửi
test	11	10	01-03-2022	31-03-2022	Tiền	1.000.000 VNĐ	Còn hiệu lực	Còn thời hạn	Gửi
Khuyến Mãi 30/4	0000	100	22-03-2022	31-03-2022	Tiền	100.000 VNĐ	Còn hiệu lực	Còn thời hạn	Gửi
Khuyến Mãi 30/4	003004	99	01-04-2022	31-05-2022	Tiền	100.000 VNĐ	Còn hiệu lực	Còn thời hạn	Gửi

Hình 4.17 Giao diện liệt kê mã giảm giá

Giúp chủ cửa hàng quản lý số lượng mã giảm giá của cửa hàng mình hiện đang áp dụng.

4.2.19 Thêm danh mục cha

THÊM DANH CHA MỤC SẢN PHẨM

Tên danh mục

Danh mục

Mô tả danh mục

Từ khóa danh mục

Hiện thị

Hiện thị

Thêm danh mục

Hình 4.19 Giao diện thêm danh mục cha

Trang này giúp chủ cửa hàng thêm danh mục của sản phẩm vào và có thể cho hiển thị danh mục đó ở trang web của mình hay không

4.2.20 Thêm danh mục con

THÊM DANH MỤC CON SẢN PHẨM

Tên danh mục

Danh mục

Mô tả danh mục

Từ khóa danh mục

Phân cấp danh mục

Giới thiệu





Hiện thị

Hiện thị

Thêm danh mục

Hình 4.20 Giao diện thêm danh mục con

4.2.24 Liệt kê thương hiệu

LIỆT KÊ THƯƠNG HIỆU SẢN PHẨM			
Tên thương hiệu	Thương hiệu	Hiển thị	
Apple	apple		 
Samsung	samsung		 
Nokia	nokia		 
Xiaomi	xiaomi		 
Realme	realme		 
Oppo	oppo		 
Kia	kia		 
LG	lg		 
DELL	dell		 

Hình 4.24 Giao diện liệt thương hiệu

Giúp chủ cửa hàng quản lý thông tin chi tiết từng thương hiệu mà chủ cửa hàng đã thêm ở trang thêm thương hiệu

4.2.25 Thêm sản phẩm

THÊM SẢN PHẨM

Tên sản phẩm

Số lượng sản phẩm

Slug

Giá bán

Giá nhập

Hình ảnh sản phẩm

Chọn tập tin

Chưa chọn tập tin.

Mô tả sản phẩm

Nội dung sản phẩm

Danh mục sản phẩm

Thương hiệu










Hiển thị

Thêm sản phẩm

Hình 4.25 Giao diện thêm sản phẩm

Trang này giúp chủ cửa hàng thêm chi tiết của sản phẩm gồm có: tên, số lượng, giá tiền hình ảnh mô tả, thông tin chi tiết vào và có thể cho hiển thị sản phẩm đó ở trang web của mình hay không

4.2.26 Liệt kê sản phẩm

LIỆT KÊ SẢN PHẨM									
Tên sản phẩm	Hình ảnh	Số lượng	Slug	Giá bán	Giá nhập	Hình sản phẩm	Danh mục	Thương hiệu	Hiển thị
KOKK	Thư viện ảnh	1000	kokk	31.990.000 VNĐ	4.990.000 VNĐ		Điện thoại	Apple	 
Samsung Galaxy Watch 3	Thư viện ảnh	100	samsung-galaxy-watch-3	3.490.000 VNĐ	2.490.000 VNĐ		Thời trang	Apple	 
Samsung Galaxy Watch 4 44mm	Thư viện ảnh	99	samsung-galaxy-watch-4-44mm	4.990.000 VNĐ	3.990.000 VNĐ		Thời trang	Apple	 

Hình 4.26 Giao diện liệt kê sản phẩm

Giúp chủ cửa hàng quản lý thông tin chi tiết từng sản phẩm mà chủ cửa hàng đã thêm ở trang thêm chi tiết sản phẩm

4.2.27 Liên hệ

THÊM THÔNG TIN LIÊN HỆ CỦA CỬA HÀNG

Thông tin liên hệ

Địa chỉ: Số 08 Bình Nhâm 07, Phường Bình Nhâm, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương

Số điện thoại liên hệ: 0918.825.123 - 0918.456.456

Fanpage: [Cửa hàng điện thoại Kim Long](#)

Đường đi đến cửa hàng

<iframe src="https://www.google.com/maps/embed?pb=!1m18!1m12!1m3!1d3697.6091494533616!2d106.68608598236494!3d10.927063935346805!2m3!1f0!2f0!3f0!3m2!110242!768!4f13.1!3m3!1m2!1s0x3174d706993b710eb3A0x8584c9ebef963892zVmeHu4VufRow7RuzydHawEgQu6628!5e0!3m2!1svf2s!4v1644996260729!5m2!1svf2s" width="100%" height="450" style="border:0;" allowfullscreen="" loading="lazy"></iframe>

Fanpage

<div id="fb-root"></div><script async src="https://connect.facebook.net/vi_VN/sdk.js#xfbml=1&version=v13.0&appId=216319236348383&autoLogAppEvents=1" nonce="23twVFW"></script><div class="fb-page" data-href="https://www.facebook.com/sĐjện-thoạj-diđộng-Kim-Long-102817114439300/" data-tabs="timeline" data-width="300px" data-height="100px" data-small-header="false" data-adapt-container-width="false" data-hide-cover="true" data-show-facepile="false"><blockquote cite="https://www.facebook.com/sĐjện-thoạj-diđộng-Kim-Long-102817114439300/" class="fb-xfbml-parse-ignore">a href="https://www.facebook.com/sĐjện-thoạj-diđộng-Kim-Long-102817114439300/">Điện thoại di động Kim Long</div>

Cập nhật thông tin liên hệ

Hình 4.27 Giao diện liên hệ

Giúp cửa hàng cập nhật thông tin của cửa hàng gồm: Địa chỉ, số điện thoại, Fanpages

4.2.28 Đánh giá

LIỆT KÊ ĐÁNH GIÁ					
Duyệt	Tên khách hàng	Bình luận	Tên sản phẩm	Ngày đánh giá	Quản lý

Hình 4.28 Giao diện đánh giá

Giúp chủ cửa hàng quản lý được đánh giá thông tin của khách hàng về sản phẩm của mình

4.2.29 Nhân viên

LIỆT KÊ NHÂN VIÊN					
Tên nhân viên	Email đăng nhập	Số điện thoại	Mật khẩu	Admin	Nhân viên
admin	admin@gmail.com	0963282942	21232f297a57a5a743894a0e4a801fc3	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
					<input type="checkbox"/>
nhanvien	test@gmail.com	0932156895	098f6bcd4621d373cade4e832627b4f6	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>
					<input type="checkbox"/>

Hình 4.29 Giao diện liệt kê nhân viên

Giúp chủ cửa hàng quản lý được nhân viên của cửa hàng, phân quyền cho nhân viên chỉ được phép truy cập một số mục nhất định

CHƯƠNG 5. KẾT LUẬN VÀ HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Kết quả đạt được

❖ Đối với khách hàng

- Đăng ký khi chưa có tài khoản, đăng nhập sau khi đăng ký và có thể đăng nhập bằng chính tài khoản Facebook, Gmail của mình
- Xem thông tin sản phẩm
- Tìm kiếm sản phẩm
- Tạo đơn đặt hàng
- So sánh sản phẩm
- Yêu thích sản phẩm
- Nhận gmail khi khách hàng đặt hàng thành công
- Nhận gmail khi có chương trình khuyến mãi của cửa hàng
- Có thể chat trực tiếp với cửa hàng
- Thanh toán qua 3 hình thức: tiền mặt, chuyển khoản, thanh toán online qua hình thức PayPal

❖ Đối với người quản trị cửa hàng

- Có thể thêm, sửa, xóa các thông tin liên quan đến sản phẩm
- Thống kê doanh thu của cửa hàng

-
- Thống kê được số lượng khách hàng truy cập vào cửa hàng
 - Thống kê được số lượng khách hàng xem sản phẩm nào nhiều nhất
 - Nhập xuất dữ liệu bằng file excel
 - In đơn hàng khi đã duyệt
 - Quản lý và phân quyền cho nhân viên

2. Hướng phát triển

Mục đích chính của website là quảng cáo cho cửa hàng. Bên cạnh việc quảng cáo thì cần phải chú trọng vào việc thu hút khách hàng đến với cửa hàng của mình thông qua website. Trong thời gian sắp tới cần bổ sung một số tính năng như: nâng cấp tính năng bảo mật cho khách hàng và cho quản trị viên, thống kê số lượng hàng tồn có trong kho.

Có thể ứng dụng trang web vào việc kinh doanh và buôn bán khác như: quần áo, các loại thiết bị điện tử,....

Em đã cố gắng vận dụng những kiến thức kỹ năng học được trong những năm học vừa qua để thực bài báo cáo tốt nghiệp lần này, nhưng trong bài báo cáo còn rất nhiều thiếu sót em mong nhận được sự góp ý của thầy, cô để phục vụ cho việc xây dựng website của nên hoàn chỉnh. Em xin cảm ơn các quý thầy cô

- [7] Giới thiệu về MySQL <https://mauwebsite.vn/mysql-la-gi/#:~:text=MySQL%20l%C3%A0%20m%E1%BB%99t%20h%E1%BB%87%20th%E1%BB%91ng,tr%E1%BB%A3%20b%E1%BB%9Fi%20T%E1%BA%ADp%20%C4%91o%C3%A0n%20Oracle>.

[8] Documentation Laravel <https://laravel.com/>

[9] Học Laravel <https://quachquynh.com/tag/laravel-framework/>